

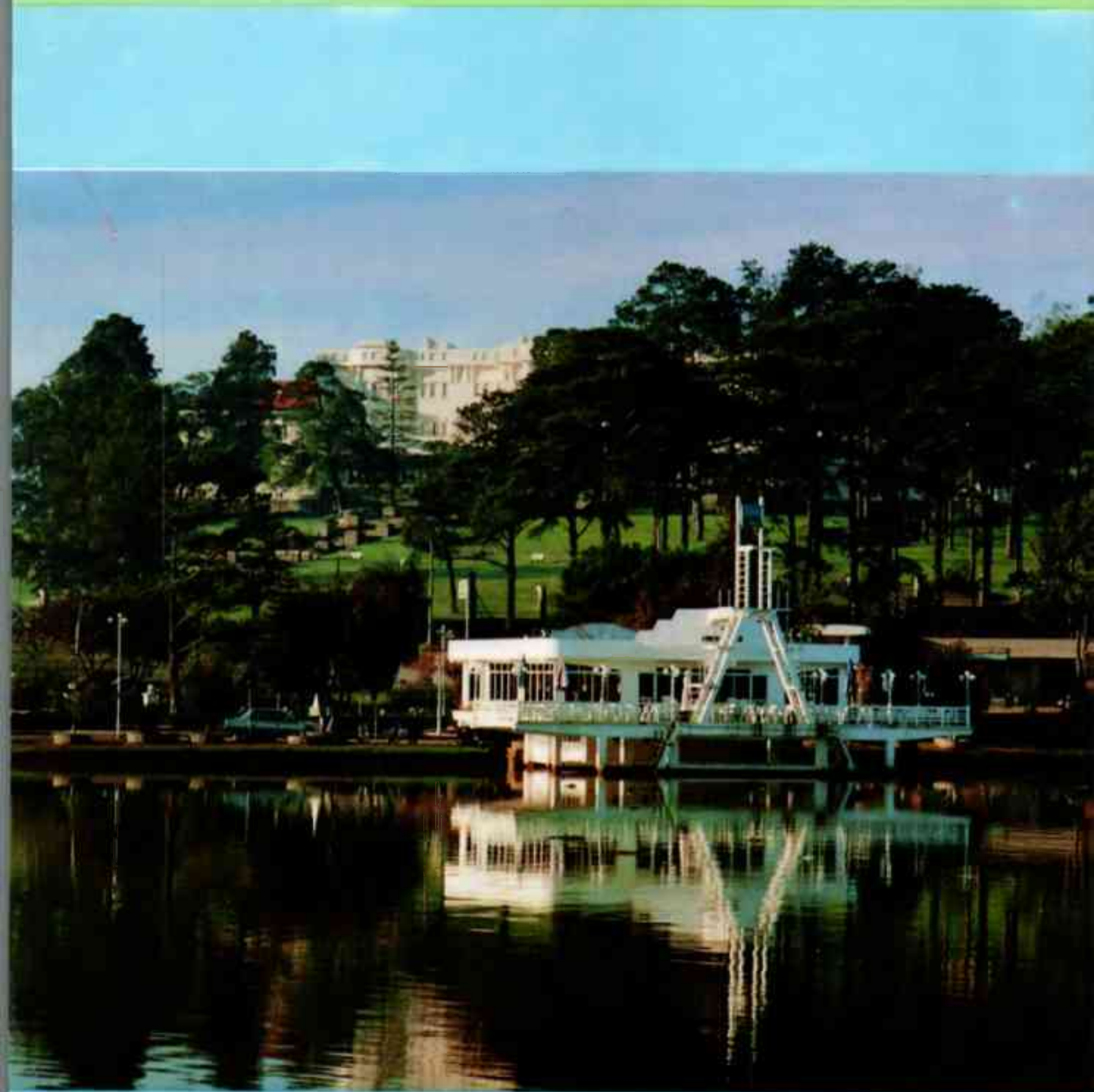
THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ



SỐ 2/2001 (33)

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG





Trong số này

BAN BIÊN TẬP

GS.TS PHẠM BÁ PHONG

Trưởng ban

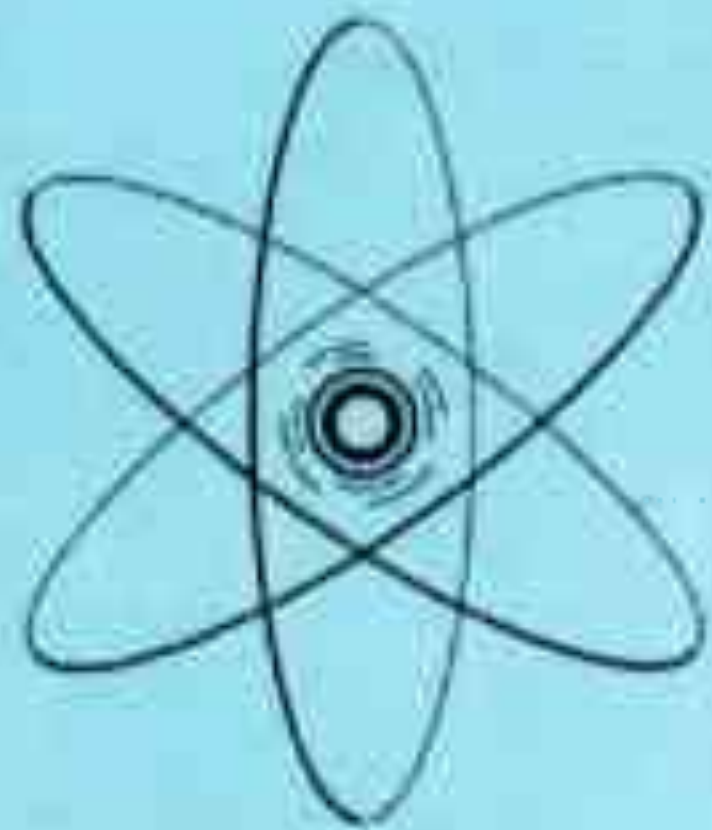
TRƯƠNG TRỐ

Phó ban

NGUYỄN HỮU TRANH

NGUYỄN THỤY HOÀNG

NGÔ HUY ĐÔNG



ẢNH BÌA TRƯỚC

Thủy tạ - Đà Lạt

NHIẾP ẢNH

Bá Trung

* Khoa học & công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	1
* Sinh vật lạ	2
* Bảo vệ đa dạng sinh học Tây nguyên trong quá trình phát triển KT-XH 2001-2100	4
* Những điều cần biết về thuốc bảo vệ thực vật	6
* ABC Đà Lạt	7
* Hướng dẫn sử dụng thuốc trừ sâu sinh học bảo vệ cây trồng	10
* 10 chương trình hoạt động của liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng trong những năm đầu thiên niên kỷ mới	11
* Những đổi mới trong sản xuất rau tại Đà Lạt	13
* Một số giải pháp về kỹ thuật tình thế đối với cây cà phê ở các tỉnh phía Nam	15
* Ngày Môi trường thế giới "Liên kết toàn cầu vì sự sống"	16
* Vườn thơ "Hoa tư tưởng"	18
* Vai trò của siêu âm chuẩn đoán trong thời kỳ tiền sản	20
* Danh mục các đề tài, dự án khoa học công nghệ năm 2001	22
* Hiện tượng sương mù ở Lâm Đồng	24
* Công nghệ sinh học sự phát triển và những tác động đối với con người và môi trường	26
* Tìm hiểu dự án phát triển công nghệ thông tin và công nghệ phần mềm	29

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÀ NỀN TẢNG VÀ ĐỘNG LỰC CỦA SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Dại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng cộng sản Việt Nam họp từ ngày 19.4.2001 đến ngày 22.4.2001 tại Hà Nội đã thành công tốt đẹp. Đây là đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết và đổi mới; đại hội đầu tiên của Đảng ta trong thế kỷ mới với những quyết sách lớn cho sự nghiệp phát triển đất nước, tiếp tục khẳng định và coi khoa học và công nghệ là nền tảng, động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.

Định hướng phát triển khoa học và công nghệ, Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX nêu rõ:

“ Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, phát huy những di sản văn hóa dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hóa mới của Việt Nam.

Khoa học tự nhiên hướng vào việc xây dựng cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng chống thiên tai.

Phát triển khoa học công nghệ hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia, ứng dụng một cách sáng tạo những công nghệ nhập khẩu, từng bước tạo ra công nghệ mới. Đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa). Tạo thị trường cho tiến bộ công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích và buộc các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ.

Coi trọng nghiên cứu cơ bản trong khoa học.

Tăng đầu tư của ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ.

Sắp xếp, đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, phối hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa

học công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Sử dụng có hiệu quả các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ. Cải tiến công tác quản lý khoa học, thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học, bảo đảm chất lượng của các chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học, khắc phục tình trạng trùng lặp, gây lãng phí ngân sách.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ. Có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc; khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật công tác tại các vùng khó khăn, vùng nông thôn; động viên các nhà khoa học bám sát cơ sở sản xuất, hướng dẫn nhân dân nắm bắt và làm chủ những tri thức về khoa học và công nghệ”.

Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 nhấn mạnh “cần tạo bước phát triển mới, có hiệu quả trong các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng các thành quả khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng trong từng ngành, từng sản phẩm, từng lĩnh vực và từng vùng kinh tế”. Đối với ngành công nghệ thông tin, trong 5 năm tới phải “tập trung đầu tư và có chính sách để phát triển mạnh công nghiệp phần mềm phục vụ nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu, đưa giá trị sản phẩm phần mềm đạt trên 500 triệu USD vào năm 2005, trong đó xuất khẩu khoảng 200 triệu USD.”

Để đạt được giá trị sản phẩm về phần mềm như trên, trước hết phải “tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương thức đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kinh tế, kỹ thuật mũi nhọn, công nghệ cao. Gắn việc hình thành các khu công nghiệp, khu công nghệ cao với hệ thống các trường đào tạo nghề. Phát triển nhanh và phân bố hợp lý hệ thống trường dạy nghề trên địa bàn cả nước; mở rộng các hình thức đào tạo nghề đa dạng, linh hoạt, năng động”. Song song với những việc trên cần “coi trọng nghiên cứu phát triển lĩnh vực công nghệ thông tin viễn thông, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới”; đồng thời cần triển khai gấp việc “xây dựng các khu công nghệ cao ở Hòa Lạc và ở thành phố Hồ Chí Minh. Trang bị một số phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới; đưa nhiều cán bộ khoa học và

SINH VẬT LẠ

PHAN VĂN ĐÁT

Sở khoa học, công nghệ và môi trường

Theo như thông báo của Ban thư ký Công ước Đa dạng sinh học cho biết, Liên hợp quốc đã thông qua việc thay đổi ngày Đa dạng sinh học thế giới hàng năm. Trước đây là ngày 29.12; bắt đầu từ năm 2001, ngày 22.5 sẽ là ngày Đa dạng sinh học thế giới.

Việt Nam là thành viên của Công ước Đa dạng sinh học, vì vậy Bộ khoa học, công nghệ và môi trường đã có công văn trình và được Chính phủ cho phép tiếp tục tổ chức ngày Đa dạng sinh học thế giới tại Việt Nam vào ngày 22.5 hàng năm. Chủ đề của năm 2001 là:

"Đa dạng sinh học và quản lý sự xâm nhập của các sinh vật lạ"

"Trên một chuyến du hành từ vũ trụ trở về, tình cơ phi thuyền không gian lại mang theo các mầm mống của một sinh vật lạ ngoài vũ trụ. Khi xâm nhập vào khí quyển trái đất, là môi trường sống mới nhưng rất thích hợp cho sự phát triển của sinh vật lạ kia. Từ một cá thể nhỏ bé, nhưng nhờ nguồn Oxy (hay Nitơ, nước, cây xanh... và có thể là cả thịt người) đầy tràn ở Trái đất, sinh vật lạ đã phát triển theo hàm số mũ và kích thước của nó đã tăng lên hàng triệu lần...".

Trên đây chỉ là một trong rất nhiều chủ đề của những cuốn truyện hay những bộ phim khoa học viễn tưởng. Thực tế trên hành tinh của chúng ta, đã từng có những sự xâm nhập của "sinh vật lạ" từ vùng này sang vùng khác. Khi môi trường mới thích hợp, chúng có thể tiêu diệt dần các loài bản địa bằng cách cạnh tranh nguồn thức ăn (động vật) hoặc do có khả năng phát triển nhanh với mật độ dày đặc, nó sẽ ngăn cản khả năng gieo giống, tái sinh tự nhiên của các loài bản địa (thực vật).

Quá trình cạnh tranh và tiêu diệt dần loài bản địa sẽ dẫn tới suy thoái hoặc thay đổi, tiến tới tiêu diệt luôn cả hệ sinh thái bản địa. Hậu quả của quá trình này rất khó khắc phục, không chỉ gây tổn thất về các giá trị đa dạng sinh học (mất các loài, các nguồn gen và hệ sinh thái bản địa) mà còn gây tổn thất không nhỏ về kinh tế. Đây cũng chính là chủ đề của ngày Đa dạng sinh học năm 2001 "Đa dạng sinh học và quản lý sự xâm nhập của các sinh vật lạ".

"Sinh vật lạ" được hiểu là "không phải loài bản địa", "loài du nhập", "loài ngoại lai", "loài mới", "loài lạ" ... khái niệm này không bó hẹp vào ranh giới hành chính của một địa phương, tỉnh hay quốc gia.

công nghệ đi đầu tại các nước có khoa học và công nghệ tiên tiến".

Bên cạnh những cố gắng từ nguồn lực trong nước, Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 nhấn mạnh việc khai thác nguồn đầu tư từ nước ngoài: "Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, các ngành công nghệ cao, vật liệu mới, điện tử, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội và các ngành Việt Nam có lợi thế, gắn với công nghiệp hiện đại và tạo việc làm".

Tại đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ Lâm Đồng lần thứ VII nhiệm kỳ 2001-2005 cũng đã ra nghị quyết về khoa học - công nghệ và môi trường như sau:

"Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng cần ưu tiên thực hiện theo hướng phục vụ yêu cầu lựa chọn, đổi mới công nghệ, ứng dụng giống mới.

Nghiên cứu phối hợp hoạt động của các cơ quan nghiên cứu khoa học trên địa bàn của tỉnh để có điều kiện tập trung đầu tư và phát huy hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Thực hiện xã hội hóa trong công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật.

Đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu. Chú trọng đổi mới công nghệ và cấp giấy phép đầu tư trong các lĩnh vực chế biến (nguyên vật liệu, nông lâm sản), sản xuất mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, sản phẩm có giá trị kinh tế cao và có thị trường ổn định, để phục vụ yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp và nông thôn, tăng cường xuất khẩu.

Thực hiện nghiêm ngặt chế độ thẩm định công nghệ và đánh giá tác động môi trường của các công trình đầu tư. Coi trọng công tác đánh giá trình độ công nghệ sản xuất, đặc biệt là các ngành sản xuất các sản phẩm chủ yếu. Có chính sách ưu tiên cải tiến công nghệ hướng sang công nghệ sản xuất sạch hơn".

Với việc phát huy tổng thể thế mạnh các ngành, các lĩnh vực; với sự nỗ lực của toàn dân, chúng ta hy vọng sẽ đạt được những mục tiêu mà Đại hội IX đã đề ra.

(Trích Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; Văn kiện Đại hội tỉnh Đảng bộ Lâm Đồng lần thứ VII)



Trên thế giới đã có những bằng chứng cho thấy sự du nhập của sinh vật lạ và thiệt hại do sự du nhập ấy mang lại. Chẳng hạn như sự du nhập giống ốc bươu vàng vào lãnh thổ Việt Nam mấy năm trước đã gây rất nhiều tổn thất về tiền của và công sức cho việc tiêu diệt chúng, hiện nay vẫn chưa loại bỏ được hết giống ốc bươu vàng này. Hoặc ở Úc, mới đầu chỉ một ít con thỏ được mang từ cố hương Âu châu sang, nhưng sau đó chính phủ Úc đã phải tốn biết bao vật lực, có lúc phải huy động cả quân đội để ngăn chặn sự tàn phá của loại thỏ này trên khắp đại lục.

Ngày nay, các phương tiện giao thông đã làm cho hàng rào khoảng cách không còn là trở ngại, chính vì thế, sự xâm nhập của sinh vật lạ do vô tình hay hữu ý sẽ rất dễ xảy ra. Các sinh vật lạ xâm nhập vào vùng lãnh thổ mới bằng nhiều cách: từ gió; từ các dòng sông, suối hay đại dương; từ các phương tiện giao thông; từ con người và du nhập vào bất cứ lãnh thổ nào.

Có thể do các phương thức du nhập trên, một số rong biển từ Đại Tây Dương đã sinh sôi và phát triển rất mạnh ở Địa Trung Hải, gây ra nguy cơ đe dọa các sinh vật biển tại đây. Loài cây Trinh nữ (Mimosa...) một loài có nguồn gốc từ Trung Mỹ xâm nhập vào châu Phi, châu Úc, châu Á, đặc biệt thích hợp và phát triển rất mạnh ở những vùng đất ngập nước, nhiệt đới. Khi phát triển, chúng che kín mặt đất, cạnh tranh mạnh với thực vật bản địa, làm cho sinh vật bản địa không thể tái sinh được và hệ sinh thái bản địa bị tiêu diệt theo. Đây là một trong số 100 loài sinh vật lạ được Hiệp hội bảo vệ thiên nhiên thế giới (IUCN) thống kê vào loại có khả năng xâm nhập mạnh và trên quy mô lớn của thế giới. Tại Úc, loài cây Trinh nữ này đã phát triển tới 18.000 ha. Hàng năm, chính phủ nước này phải chi tới 12 triệu USD để ngăn ngừa và tiêu diệt chúng.

Tại Việt Nam, ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, dưới rừng tràm U Minh, cây Trinh nữ đang phát triển mạnh. Riêng ở Lâm Đồng, cây Trinh nữ cũng đang phát triển; loài Trinh nữ không gai được khuyến cáo trồng để chống xói mòn. Sự du nhập loài sâu ăn tạp (*Tenebrio monitor*) vào nước ta (mặc dù đã bị cấm nhập nhưng vẫn thấy bày bán tại các nơi cung cấp thức ăn cho chim), có khả năng gây hại cho nhiều loài nông sản nếu chúng thoát ra môi trường tự nhiên.

Phương thức xâm nhập của các sinh vật lạ đa dạng nên khó xác định, chính vì vậy ngăn ngừa là biện pháp hữu ích để tránh và hạn chế sự du nhập của chúng.

Biện pháp ngăn ngừa có hiệu quả

- Trước khi nhập khẩu bất cứ một sinh vật nào, bắt buộc phải tìm hiểu đặc tính sinh học của chúng (thông qua hệ thống thông tin của Công ước đa dạng sinh học và các nước thành viên Công ước hoặc thông tin từ các

nơi đã phát triển loài này).

- Trước khi nhập khẩu hãy yêu cầu bên xuất khẩu cung cấp đầy đủ hồ sơ về các đặc tính sinh học và kết quả phát triển của nơi đã nhập những sinh vật đó.

Với Lâm Đồng, nơi được xem là vùng nhạy cảm đối với sinh vật lạ xâm nhập do có vùng hệ sinh thái độc canh (trà, cà phê...) và vùng hệ sinh thái bản địa thuần loài (thông), tại đây một số loài thực vật đang được trồng khảo nghiệm, ngoài việc đánh giá về mặt kinh tế, cần đánh giá thêm về sự ảnh hưởng của đa dạng sinh học khi loài đó được gieo trồng đại trà. Đặc biệt chú trọng vào những loài đã biến đổi gen (phần nhiều là cây lương thực), để tránh những hậu quả đáng tiếc như thụ phân chéo với cây bản địa hay trong bộ gen của những cây lạ này có gen "sát thủ" (Terminatr) sau khi lai tạo với cây bản địa sẽ dẫn đến những kết quả khó kiểm soát về sau.

Theo: *Hướng dẫn ngày đa dạng sinh học năm 2001, Cục Môi trường, Bộ khoa học công nghệ và môi trường*



BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC TÂY NGUYÊN

TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH 2001-2010

Tây Nguyên là vùng được đánh giá có đa dạng sinh học cao và tài nguyên sinh vật phong phú nhất Việt Nam với nhiều vùng sinh thái và các hệ sinh thái có nét độc đáo của Tây Nguyên. Đây là nền tảng rất quan trọng cần được quan tâm trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường ở 4 tỉnh Tây Nguyên.

Trên cơ sở khoa học và đóng góp ý kiến của nhiều ngành, nhiều địa phương Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 1996-2000-2010. Trong kế hoạch này tuy có chú ý đến điều kiện tự nhiên của từng khu vực nhưng chủ yếu căn cứ trên đơn vị hành chính chứ không theo vùng và tiểu vùng sinh thái nông nghiệp. Tính đa dạng phong phú về đa dạng sinh học của Tây Nguyên chính là nền tảng cho sản xuất nông nghiệp, là nguồn nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp, là nguồn dược liệu cho sức khỏe cộng đồng. Sự quan tâm đến vấn đề ngày càng cấp bách hơn trước những thống kê, nhận định, đánh giá về hiện trạng đang diễn biến trong những thập niên qua. Từ sau 1975, rừng và tài nguyên thiên nhiên Tây Nguyên bị khai thác mạnh mẽ, rừng và đa dạng sinh học của vùng ngày càng suy giảm và các hệ sinh thái nhân tạo xuất hiện ngày càng nhiều. Mặc dù Nhà nước đã tích cực tổ chức quy hoạch các phương án nhằm ổn định môi trường sinh thái trong quá trình phát triển (như xây dựng các khu bảo tồn, chương trình 327, trồng rừng, hạn chế khai thác, phòng chống cháy,...) nhưng so với những thập niên trước thì hiện nay với cái nhìn tổng quát rừng và hệ sinh thái Tây Nguyên đã có những biến động theo hướng bất lợi do việc xem nhẹ bảo vệ đa dạng sinh học của nhiều tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng. Vì vậy quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở Tây Nguyên giai đoạn 2000-2010 cần phải được xây dựng trên quan điểm đúng đắn để vừa phát triển được các tiềm năng kinh tế của vùng, vừa đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững. Đây cũng chính là các quan điểm và nguyên tắc cơ bản trong chiến lược bảo vệ đa dạng sinh học ở Tây Nguyên để có thể đồng thời phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học của khu vực.

Những biến đổi rõ nét trong giai đoạn 1996-2000 được ghi nhận liên quan đến hoạt động khai thác rừng trong thời gian qua đó là các loài động và thực vật quý hiếm đã có chiều hướng bị suy giảm; nhiều loài cây gỗ quý như: trắc, cẩm lai, giáng hương, gõ đỏ, kiền kiền... bị thu hẹp vùng phân bố và đang đứng trước nguy cơ giảm số lượng trầm trọng do bị khai thác trộm. Nhiều

loài thực vật cổ gần bị tuyệt chủng, chỉ còn sót lại rất ít ở Tây Nguyên: thông nước, thông lá dẹt, thông 5 lá Đà Lạt, trầm hương, sâm ngọc linh, bách xanh... Theo nhận định từ 1995 đến nay các loài động vật có giá trị kinh tế đều bị giảm 50% số lượng. Hàng năm Tây Nguyên đã khai thác từ 200.000 đến 300.000 m³ gỗ trong rừng tự nhiên (được phép), đồng thời số lượng khai thác lậu ở cả 4 tỉnh cũng không phải là nhỏ đã gây thiệt hại đến đa dạng sinh học ở từng khu vực. Ngoài ra tập quán đốt nương làm rẫy vẫn chưa chấm dứt cũng là một trong những nguyên nhân chính gây ra nạn cháy rừng ở Tây Nguyên.

Cũng trong quá trình phát triển chung, việc thực hiện một số các quy hoạch nhằm phát triển kinh tế xã hội Tây nguyên (xây dựng thủy điện Yaly, Hàm Thuận - Đa Mi,...) đã phần nào làm thay đổi môi trường sinh thái và giảm hàng trăm ngàn ha diện tích đất rừng, đồng thời những nguy cơ phá hại rừng theo đó cũng có chiều hướng tăng lên.

Để kịp thời ngăn chặn những biến đổi có chiều hướng xấu như đã nêu trên, từ 1990-1995 việc quản lý đã có những chuyển hướng tích cực hơn như tăng cường các hoạt động trồng rừng, tu bổ, khai thác hạn chế theo kế hoạch. Tuy nhiên diện tích rừng giảm đi vẫn còn rất cao (14.100 ha trong 3 năm đầu), diện tích rừng giàu giảm, rừng nghèo kiệt tăng. Tại Lâm Đồng rừng lá rộng chiếm 37,24% đất rừng, trong đó rừng giàu chiếm 3,86%; rừng rụng lá tỷ lệ rừng giàu chiếm 0,05%; ở rừng hỗn giao tỷ lệ rừng giàu chỉ có 0,65%. Việc quy hoạch lại rừng Tây Nguyên đã được quan tâm nghiên cứu và thực hiện tích cực nhằm khôi phục lại rừng, giúp ổn định môi trường sinh thái trong quá trình phát triển. Thông qua đó diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ được quy hoạch tăng lên, giảm diện tích rừng sản xuất đồng thời tăng diện tích rừng trồng để có được những cánh rừng liên hoàn, ít bị chia cắt. Trong những năm gần đây, cơ cấu tỷ lệ diện tích rừng đã có những biến đổi tích cực hơn như sau:

- Năm 1995: Rừng đặc dụng 2-5%; rừng phòng hộ 20-22%; rừng sản xuất 73-78%

- 1996-1998: Diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ tăng; diện tích rừng sản xuất giảm.

- Năm 1999: Rừng đặc dụng 8-12%; rừng phòng hộ 35-40%; rừng sản xuất 48-57%.

Từ năm 1977, Tây Nguyên đã hình thành được một hệ thống các khu rừng đặc dụng gồm 1 vườn quốc gia,

1 bộ phận của vườn quốc gia Nam Cát Tiên, 10 khu bảo tồn thiên nhiên và 2 khu văn hoá lịch sử nhằm mục tiêu bảo tồn những đặc trưng của của đa dạng sinh học từng vùng ở Tây Nguyên. Hiện nay tổng diện tích quy hoạch các khu bảo tồn là 460.559 ha. Tuy nhiên chỉ chiếm 8% lãnh thổ Tây Nguyên; diện tích có rừng trong mỗi khu chỉ chiếm khoảng 80%, do đó thực tế cũng chưa bao quát hết được những đặc trưng đa dạng của khu vực. Hiện nay Vườn quốc gia YokĐon cũng như các khu bảo tồn thiên nhiên khác đang có hướng quy hoạch mở rộng để bảo vệ tích cực hơn các đa dạng sinh học của khu vực. Trong hoạt động tổ chức quản lý, các ban quản lý ở một số khu vực vẫn còn gặp nhiều khó khăn đang cần được sự quan tâm hỗ trợ hơn nữa của Nhà nước, của các cấp chính quyền ở địa phương và các tổ chức quốc tế.

Song song với các hoạt động trên, thông qua việc thực hiện Chương trình 327, một phần lớn diện tích đất rừng đã được giao khoán bảo vệ cho các hộ gia đình; đây là một diễn biến tích cực góp phần tăng cường nhận thức và sự tham gia của cộng đồng dân tộc trong công tác bảo vệ rừng ngay trong khu vực họ đang sinh sống.

Công tác quản lý bảo vệ rừng tuy đã được quan tâm củng cố trong nhiều năm qua nhưng ở từng địa phương việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng và nhân dân thực hiện chưa triệt để nên số vụ việc vi phạm vẫn liên tiếp xảy ra gây tổn thất đến rừng và đa dạng sinh học. Ngoài việc tăng cường sự tham gia cộng tác trong quản lý bảo vệ, tăng cường hiệu lực pháp chế của luật pháp và các văn bản dưới luật đã ban hành, cần phải tích cực thực hiện các giải pháp cụ thể thuộc các dự án, kế hoạch xây dựng, bảo vệ rừng và đa dạng sinh học khu vực Tây nguyên. Trong chiến lược bảo vệ đa dạng sinh học ở Tây Nguyên giai đoạn 2001-2005, 2005-2010, nhiều chương trình được đặt ra như sau:

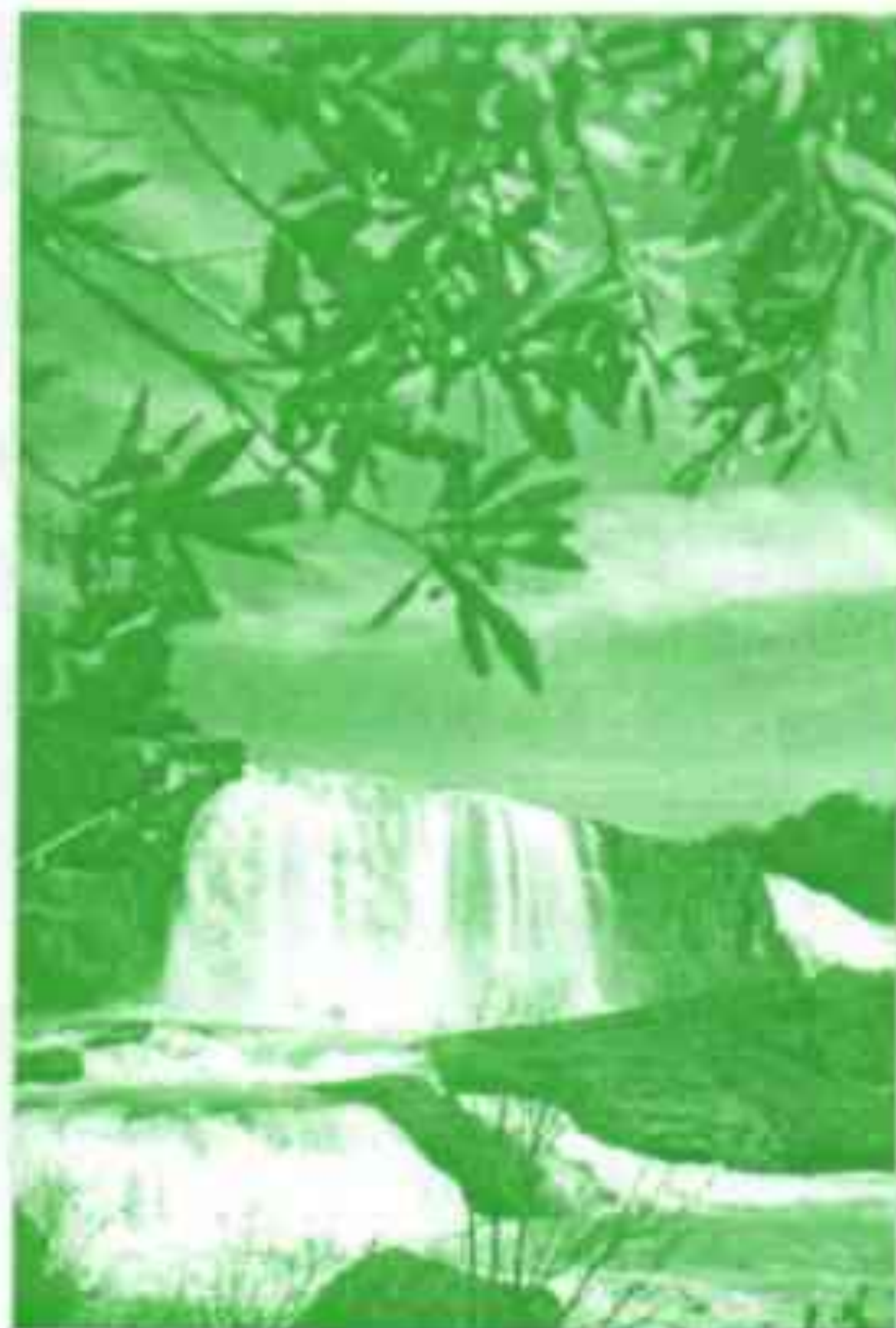
- Điều tra giám sát đa dạng sinh học và tổ chức mạng lưới quan trắc biến động đa dạng sinh học..
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu, không chỉ đi vào thực trạng mà chủ yếu nghiên cứu giải pháp bảo tồn nâng cao hiệu quả.
- Xây dựng các dự án đầu tư ở các khu bảo tồn thiên nhiên đã có và các khu mới được đề xuất.
- Xây dựng các vườn thực vật, các trạm nghiên cứu nhân, nuôi, cứu hộ động vật.
- Điều chỉnh quy hoạch sản xuất ở những khu vực gần khu vực bảo tồn, vùng đệm; xây dựng mô hình xã hội lâm nghiệp...
- Tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế khai thác rừng, săn bắt động vật rừng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm lâm luật.

Đây là những giải pháp cơ bản cần được tiến hành

song song với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội nhằm bảo đảm cho quá trình phát triển bền vững cho khu vực Tây nguyên. Rừng tự nhiên và các hệ sinh thái tự nhiên là cái nôi của đa dạng sinh học và các dạng tài nguyên sinh vật. Đặc biệt với khu vực rừng Tây nguyên từ lâu đã được đánh giá là kho tài nguyên quý giá và lớn nhất trong nước. Đa dạng sinh học và tài nguyên sinh học gắn liền với cuộc sống của cộng đồng hơn 50 dân tộc sinh sống ở Tây nguyên. Đây là nguồn tài nguyên quý giá và to lớn nhất của đất nước đang được Nhà nước quan tâm bảo vệ nhưng vẫn chưa tránh khỏi những ảnh hưởng và nguy cơ suy giảm. Để tiếp tục công cuộc phát triển kinh tế- xã hội của vùng cần có những giải pháp đồng bộ mang tính chiến lược nhằm bảo vệ phù hợp trong từng giai đoạn. Việc cân nhắc giữa mục đích kinh tế và bảo vệ đa dạng sinh học, kết hợp hài hoà giữa kinh tế và sinh thái, môi trường là yêu cầu tiên quyết giúp tránh sự phá vỡ cân bằng sinh thái trong thiên nhiên.

Biên tập Nguyễn Thụy Hoàng

"Chiến lược bảo vệ đa dạng sinh học ở Tây Nguyên trong quá trình phát triển KT-XH 2001-2010"



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

KS. CHU BÁ THÔNG

Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Thuốc bảo vệ thực vật bao gồm các chế phẩm dùng để trừ sinh vật gây hại, các chế phẩm có tác dụng điều hòa sinh trưởng thực vật, các chế phẩm có tác dụng xua đuổi hoặc thu hút các sinh vật gây hại tài nguyên thực vật đến để tiêu diệt.

1. Tên thuốc: Do nhà sản xuất đặt tên để phân biệt sản phẩm của hãng này với hãng khác.

2. Hoạt chất: Là thành phần chính của thuốc, quyết định đặc tính và công dụng của thuốc. Cùng một hoạt chất có thể có nhiều tên thương mại khác nhau.

3. Các chất phụ gia: Giúp thuốc phân bố đều khi pha chế, bám dính tốt và loang trải đều trên bề mặt cây trồng khi phun. Cùng một hoạt chất nhưng hiệu quả thuốc có thể khác nhau là do bí quyết về các chất phụ gia của mỗi nhà sản xuất khác nhau.

4. Tính độc: Biểu thị bằng LD 50 là liều lượng cần thiết gây chết 50% cá thể thí nghiệm (chuột bạch) tính bằng đơn vị mg/kg thể trọng. LD 50 càng nhỏ thì độ độc càng cao.

Hiện nay, thuốc bảo vệ thực vật được phân loại theo tính độc như sau:

- Vạch màu đỏ trên nhãn là thuốc độc nhóm I, rất nguy hiểm.
- Vạch màu vàng là thuốc độc nhóm II, cảnh báo có hại.
- Vạch màu xanh da trời là thuốc độc nhóm III, lưu ý cẩn thận.
- Vạch màu xanh lá cây là thuốc độc nhóm IV, ít độc.

5. Dạng thuốc: Các dạng thuốc phổ biến hiện nay

- Nhũ dầu (EC, ND)
- Huyền phù (FL, SC)
- Bột hòa nước (SP)
- Dạng bã (B)
- Dung dịch (L, SL, DD)
- Bột thấm nước (WP, BTN)
- Dạng hạt (G, H)

II. MỘT SỐ LƯU Ý KHI SỬ DỤNG THUỐC BẢO VỆ

THỰC VẬT

1. Đọc kỹ nhãn thuốc trước khi sử dụng

2. Thực hiện theo nguyên tắc 4 đúng

- **Đúng thuốc:** chọn thuốc thích hợp đối với từng đối tượng gây hại. Thuốc trừ rầy trên lúa, trừ cỏ, trừ bệnh...

- **Đúng lúc:** Chọn thời điểm phun để phòng trừ dịch hại hiệu quả với lượng thuốc sử dụng ít nhất.

- **Đúng liều lượng:** theo hướng dẫn trên nhãn hay tài liệu kỹ thuật.

- **Đúng phương pháp:** Phải đảm bảo phun đủ lượng nước thuốc cho đơn vị và phun đúng vào nơi dịch hại ẩn nấp, gây hại.

3. Phối hợp thuốc: Sử dụng pha trộn một số loại thuốc để có hiệu quả cao hơn khi dùng riêng lẻ.

4. Luân phiên các loại thuốc: Sử dụng luân phiên các cơ chế tác động khác nhau để tránh hiện tượng kháng thuốc.

5. An toàn khi sử dụng thuốc: Nên đọc kỹ và tuân theo các hướng dẫn an toàn được ghi trên nhãn.

6. Thời gian cách ly: Là thời gian từ lần phun thuốc sau cùng đến khi thu hoạch. Mỗi loại thuốc đều có thời gian cách ly khác nhau và được ghi trên nhãn thuốc.



ABC ĐÀ LẠT

NGUYỄN HỮU TRANH

Câu lạc bộ tiếng Pháp

HỒ

Hồ: vùng nước rộng nằm trong đất liền.

* Có hai loại hồ: hồ thiên nhiên và hồ nhân tạo.

- Hồ thiên nhiên được hình thành do cấu tạo địa chất như Ngũ Hồ (Bắc Mỹ), Titicaca (Nam Mỹ), Victoria (châu Phi), Genève (châu Âu), Ba Bể, Lác (Việt Nam),...

- Hồ nhân tạo do con người đắp đập để ngăn dòng sông, suối. Các hồ ở Đà Lạt (Xuân Hương, Than Thở, Đa Thiện, Tuyên Lâm,...) đều là hồ nhân tạo.

HỒ TÙNG MẬU

* Tên một con đường lớn dài 1,05km nối từ ngã năm Trần Hưng Đạo, Khởi nghĩa Bắc Sơn, đường 3 tháng 4 đến đường Trần Phú.

* Tên đường cũ: Gia Long + Pierre Pasquier (Pierrot Pát-xki-ê), Nguyễn Trường Tộ.

* Hồ Tùng Mậu (1896 - 1951), tên thật là Hồ Bá Cự, sinh tại làng Quỳnh Đôi (tỉnh Nghệ An).

Năm 1916, ông bí mật qua Thái Lan và Trung Quốc, sáng lập Tâm tâm xã.

Năm 1924, ông tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Năm 1931, ông bị trục xuất khỏi Hồng Công và bị mật thám Pháp bắt ở Thượng Hải, giải về nước, tuyên án khổ sai chung thân. Trong những năm bị tù đày, ông đã làm thơ văn cách mạng, sáng tác tiểu thuyết *Giọt máu hồng*.

Tháng 3-1945, ông vượt ngục Trà Khê, trở về hoạt động ở Trung Bộ.

Từ năm 1945, ông được cử làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu IV, Tổng Thanh tra của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1951, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Ngày 23-7-1951, trên đường đi công tác ở Liên khu IV, ông hy sinh vì máy bay địch oanh tạc.

CÂY HỒNG

* Cây hồng có tên khoa học *Diospyros kaki* L.f., họ Thị (*Ebenaceae*).

Cây hồng cao 5 - 10m. Trái màu đỏ thường rộ từ rằm tháng 7 và kéo dài khoảng 1 tháng. Hồng trước tháng 7 và sau tháng 8 là hồng trái mùa (hồng sớm hay muộn).

* Đà Lạt có nhiều giống hồng: hồng trứng, hồng chén, hồng hoả tiễn, hồng dòn, hồng pom khía, hồng Fuyu, hồng Tàu,...

* Trái hồng được ăn tươi hay chế biến thành hồng khô (4 - 5kg hồng tươi được 1kg hồng khô), hồng dòn, rượu hay mứt hồng.

* Tai hồng (thị đế) được dùng để chữa ho, đầy bụng, nấc, đi đái đêm.

HỒ XUÂN HƯƠNG

Tên một con đường dài 2,5km nối từ ngã ba đường Phan Chu Trinh, Chi Lăng đến khu phố Thái Phiên.

* **Đặc điểm:** Cư dân sống bằng nghề trồng rau, một số nông dân trồng rau sạch trong nhà vòm. Hồ Than Thở ở đường này.

* Hồ Xuân Hương quê ở làng Quỳnh Đôi (huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An).

Thân sinh của Hồ Xuân Hương là một ông đồ đã có thời sống ở phường Khán Xuân, gần hồ Tây (Hà Nội). Lúc Hồ Xuân Hương lớn lên, gia đình dọn về ở phố Lý Quốc Sư ngày nay.

Hồ Xuân Hương muộn chồng, phải một lần lấy lẽ Tổng Cốc và một lần lấy lẽ ông phủ Vinh Tường, nhưng cả hai đều chết sớm.

Thơ của bà đều viết bằng thể thơ Đường luật, giọng thơ chua cay, khinh mạn mọi giới, đả kích bọn trưởng giả.

HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT

* Hội nghị đàm phán trù bị giữa Việt Nam và Pháp họp từ ngày 19-4-1946 đến ngày 10-5-1946 tại trường trung học Yersin. Phái đoàn Việt Nam ở tại khách sạn Langbian Palace (nay là Sofitel Dalat Palace).



Đoàn Việt Nam do Nguyễn Tường Tam làm Trưởng đoàn, Võ Nguyên Giáp làm Phó Trưởng đoàn.

Đoàn Pháp do D' Argenlieu (Đạc-giăng-li-ơ) làm Trưởng đoàn, Max André (Mắc Ăng-đrê) làm Phó Trưởng đoàn. Sự thực, D' Argenlieu không dự họp và Max André thay. Do đó, về phía Việt Nam, Nguyễn Tường Tam cũng không dự họp và Võ Nguyên Giáp thay.

Các vấn đề đặt ra trong cuộc đàm phán gồm:

- Đình chiến, trưng cầu ý dân tại Nam Bộ;
- Thuế quan, tiền tệ, kinh doanh của người Pháp tại Việt Nam;
- Nước Việt Nam phải là một nước tự do, chấm dứt chế độ toàn quyền, liên bang Đông Dương chỉ có tính chất kinh tế;
- Cơ sở khoa học, giáo dục ở Việt Nam, sử dụng tiếng Pháp.

Các tiểu ban chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá đã thoả thuận một vài điều nhưng còn có những sự bất đồng ý kiến.

HOA HỒNG

* Hoa hồng (*Rosa sp.*, họ *Rosaceae*) có nguồn gốc từ Trung Quốc và Trung Đông. Thân và cành có gai.

* Ở Đà Lạt có hai loại hoa hồng:

- Hoa hồng đại trồng làm hàng rào. Hoa mọc thành chùm ở đầu cành. Hoa hồng nhỏ thường gọi là hoa tường vi.

- Hoa hồng được trồng thành luống và chăm sóc rất công phu để cắt hoa bán trên thị trường. Người trồng hoa áp dụng kỹ thuật ghép cây để tạo những cây hoa hồng đẹp hay có giá trị kinh tế cao. Hoa mọc đơn độc trên cành cây, mang nhiều màu sắc khác nhau tùy theo giống: hồng nhung, hồng bạch, Silver Star (ngôi sao bạc), Jacqueline Kennedy, Grace Monaco, Brigitte Bardot,...

* Hoa hồng tượng trưng cho tình yêu.

HỒNG RI

* Cây hoa hồng ri (Cléome: *Cleoma (pulgens) viscosa* L., họ *Capparidaceae*) cao 50 - 100cm. Hoa màu



hồng, trắng hay tím, khi tàn rơi xuống mặt đất như xác pháo.

Hoa hồng ri thường được trồng trong các vườn hoa.

* Rễ cây hồng ri dùng để trị bệnh phong thấp.

HÙNG VƯƠNG

* Tên một con đường dài 2,1km nối tiếp đường Trần Hưng Đạo.

* Tên đường cũ: Graffeuil (Gráp-phơ), Lê Thái Tổ.

* Đặc điểm: Sở điện lực, Bảo tàng, Trường trung học chuyên tỉnh Lâm Đồng, Làng SOS, Trường Hermann Gmeiner,... ở đường này.

* Tên một trường tiểu học. Địa chỉ: 27/52 Yersin.

* Theo sử cũ và truyền thuyết, trước thế kỷ III trước công nguyên, có khoảng 15 bộ lạc Lạc Việt sinh sống chủ yếu ở miền trung du, đồng bằng châu thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Trong số các bộ lạc này, bộ lạc Văn Lang là hùng mạnh hơn cả. Thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang đứng ra thống nhất tất cả các bộ lạc Lạc Việt, dựng nước Văn Lang, đóng đô ở Văn Lang (miền Lâm Thao, Bạch Hạc, tỉnh Phú Thọ ngày nay). Ông xưng vua, sử gọi là Hùng Vương và con cháu ông về sau mang danh hiệu đó.

Dưới thời Hùng Vương, người Việt cổ sống thành từng công xã, trồng lúa nước, trồng dâu nuôi tằm, dệt vải, đẽo thuyền, làm đồ gốm, phát triển nghề luyện kim đồng thau.

Hiện nay, đền Hùng được xây dựng ở núi Nghĩa Lĩnh (tỉnh Vĩnh Phú), ngày giỗ Quốc tổ Hùng Vương được tổ chức vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hằng năm.

HUYẾN TRẦN CÔNG CHÚA

* Tên một con đường dài 1,65km từ đường Hoàng Văn Thụ đến nghĩa trang Du Sinh.

* Tên đường cũ: Robinson (Rô-ben-xông).

* Đặc điểm: Đa số cư dân sống bằng nghề trồng rau.

* Để tạo ra vùng biên giới hoà bình phía Nam nước Đại Việt, tạo mối bang giao mật thiết với vương quốc Chăm-pa, năm 1301, nhân chuyến viếng thăm thân hữu Chăm-pa, Thượng hoàng Trần Nhân Tông có hứa gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân (Jay Simhavarman III).

Chế Mân dâng châu Ô và châu Lý (nay là vùng đất thuộc các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế) để làm sính lễ.

Năm 1306, công chúa Huyền Trân lên đường đến Đồ Bàn (Vijaya).

Công chúa Huyền Trân sống với Chế Mân được gần một năm thì Chế Mân băng hà. Theo tục lệ Chăm, khi vua mất, các phi tần cũng phải lên giàn hoả chết theo vua.

Vua Trần Anh Tông cử tướng Trần Khắc Chung sang Chăm-pa cứu công chúa Huyền Trân. Về sau, công chúa Huyền Trân đi tu.

HUỲNH THÚC KHÁNG

* Tên một con đường dài 0,55km nối với đường Lê Hồng Phong.

* **Tên đường cũ:** Rue des Roses (đường Hoa Hồng), Ngô Đình Khôi.

* **Đặc điểm:** Nhiều biệt thự; Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, nhà nghỉ Hàng Nga, Cảng Sài Gòn,... ở đường này.

* Huỳnh Thúc Kháng (1875- 1947), tên thật là Huỳnh Hanh, sinh tại làng Thạnh Bình (tỉnh Quảng Nam) trong một gia đình nhà nho nghèo.

Năm 1904, ông đậu tiến sĩ nhưng không ra làm quan.

Năm 1908, nhân vụ chống thuế ở Trung Kỳ, ông bị bắt và bị án tù chung thân, đày ra Côn Đảo.

Năm 1925, ông giữ chức Viện trưởng Viện dân biểu Trung Kỳ, nhưng 2 năm sau ông từ chức, chuyển sang hoạt động báo chí, cho xuất bản tờ báo *Tiếng dân* tại Huế.

Năm 1946, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ, rồi Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp đàm phán.

Năm 1947, ông được phái vào Liên khu V công tác và mất tại Quảng Ngãi, mộ ông nằm trên núi Thiên Ấn.

HƯỚNG DƯƠNG

* Cây hoa hướng dương (Tournesol, Soleil, Sunflower: *Helianthus annuus* T., họ Cúc (*Asteraceae* hay *Compositae*) có nguồn gốc từ các vùng đồng cỏ ở Bắc

Mỹ, được mang vào châu Âu từ thế kỷ XVI.

Cây cao 1 - 2m. Hoa màu vàng, rất to, đường kính trên 20cm, xoay chiều theo hướng mặt trời.

Khi mặt trời chiếu sáng, những sắc tố thực vật như flavoprotein hấp thu ánh sáng và tác động lên các auxin - kích thích tố thực vật. Trong cuống hoa, các phân tử auxin một phần bị ánh sáng huỷ diệt, một phần di chuyển về phía không được chiếu sáng. Do đó có sự chênh lệch về auxin. Lượng auxin cao ở phía cuống hoa không được chiếu sáng khiến cho tế bào trương nước mạnh, nở rộng ra, làm cho cuống hoa phải nghiêng về hướng có ánh sáng mặt trời.

Hạt hướng dương chứa 30 -60% dầu dùng làm thức ăn hay chế dầu thảo mộc.

I

IN

* Trước năm 1954, Đà Lạt có 4 nhà in:

- Imprimerie de Dalat (Nhà in Đà Lạt) ở khu Hoà Bình;

- Sở địa dư Đông Dương;

- Lâm Viên (4 khu Hoà Bình, nay là nhà nghỉ Phước Đức);

- Trí Hương (nay ở số 2 Nguyễn Văn Cừ).

* Sau năm 1954, nhà in Imprimerie de Dalat và Trí Hương không tiếp tục hoạt động.

* Hiện nay, Đà Lạt có 2 xí nghiệp in:

- Xí nghiệp in Lâm Đồng (122 Nguyễn Văn Trỗi);

- Xí nghiệp bản đồ Đà Lạt (51 Yersin).

Ngoài ra, còn có nhiều cơ sở in lụa, photocopy.

TƯ LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Đình Xuân Lâm, Chương Thâu. *Danh nhân lịch sử Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1988.

Hoàng Xuân Hãn. *Một vài ký vãng về hội nghị Đà Lạt*. Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1996.

Thái Văn Kiểm. *Đất Việt trời Nam*. Sài Gòn, 1960.

Tôn Thất Sam. *Hồng khô, đặc sản Đà Lạt*. Thông tin khoa học và công nghệ Lâm Đồng, 1993, Số 4.

Võ Nguyên Giáp. *Những chặng đường lịch sử*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1976.

Lịch sử Việt Nam. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.

Hướng dẫn sử dụng thuốc trừ sâu sinh học bảo vệ cây trồng

Ở nước ta trong những năm gần đây trên nhiều vùng rau, đậu đỗ, bông, lúa... đã xuất hiện nhiều loại sâu hại nguy hiểm, chúng đã gây tổn thất lớn đến năng suất và sản lượng cây trồng. Để bảo vệ mùa màng, người nông dân đã phải sử dụng thuốc hoá học có độ độc cao để phun phòng trừ ngay trong khi dịch sâu hại xảy ra mới có thể đạt kết quả. Bình thường trong một vụ rau nông dân đã phun từ 8-10 lần. Ở những vùng trồng hành tỏi, sâu keo da láng là loại sâu đã làm mất trắng sản lượng, vì vậy người dân phải phun từ 12-15 lần. Trung bình 1ha cây trồng chỉ một lần phun, họ đã dùng 3-5kg thuốc. Đây là vấn đề nghiêm trọng đòi hỏi các nhà khoa học nói chung và các nhà bảo vệ thực vật nói riêng cần nghiên cứu và xem xét một cách đầy đủ, bởi thuốc hoá học tuy dập tắt được nạn dịch ngay, nên nông dân quen sử dụng vì thấy hiệu quả. Song thuốc hoá học là con dao hai lưỡi, nó đã phá huỷ môi trường sống ở ngay những vùng trồng rau, bông, đậu... và trực tiếp làm ảnh hưởng đến sức khoẻ người nông dân, làm mất đi một số nguồn sinh vật có lợi cho con người như chim chóc, tôm, cá v.v... và cả những ký sinh thiên địch như bọ rùa, ong ký sinh và cả các nguồn vi sinh vật khác như nấm, virút, tuyến trùng...

Bảo vệ môi trường sống, bảo vệ cây xanh, bảo vệ thiên nhiên là nhiệm vụ của mọi người và đặc biệt là đối với các nhà bảo vệ thực vật. Trong sản xuất nông nghiệp có mâu thuẫn là càng thâm canh cây trồng cao thì sâu bệnh phát sinh càng nhiều, càng phun thuốc để phòng trừ thì càng huỷ diệt nhiều sinh vật có ích với con người và càng gây tính kháng thuốc với sâu hại nghĩa là có khi phun xong thuốc hoá học thì sâu bệnh lại tăng nhanh đến mức gây đột phát trận dịch mới, cứ như vậy cái vòng luẩn quẩn này ở hầu hết các vùng nông thôn nước ta diễn ra hàng năm mà các cán bộ kỹ thuật chưa đủ để khắc phục hạn chế này.

Hạn chế việc sử dụng thuốc hoá học, một phần nâng cao hiệu quả kinh tế, phần nữa là không gây ra ô nhiễm môi trường, không làm ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, vật nuôi. Trên cơ sở điều tra thiên nhiên, lợi dụng những vi sinh vật có ích với con người như các loài ký sinh thiên địch tự nhiên và cao hơn nữa là nhân nhanh một số nguồn vi sinh vật hoặc là sản xuất hàng loạt các chế phẩm sinh học như nấm côn trùng, vi khuẩn (BT), virút (NPV, GV), tuyến trùng và các nấm đối kháng, các xạ khuẩn để bổ sung cho đồng ruộng, dần dần hạn chế một phần các loại thuốc trừ sâu hoá

học để chuyển công tác bảo vệ thực vật sang hướng mới mang tính chất tiến bộ, tích cực là phòng trừ tổng hợp dựa trên các yếu tố sinh học sâu bệnh hại và sinh thái học quần thể.

Như chúng ta biết, chế phẩm sinh học có nhược điểm là hiệu quả không cao, hiệu quả chậm, khi gặp điều kiện thời tiết bất thuận thì khó đạt kết quả. Tuy nhiên, thuốc trừ sâu sinh học có rất nhiều ưu điểm mà thuốc hoá học không có như: không làm nhiễm bẩn môi trường sống, không gây tính kháng thuốc với sâu hại, không làm mất đi một quần thể thiên địch có ích trong tự nhiên, không gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người và không cần phun nhiều lần mà vẫn duy trì được hiệu quả. Vấn đề quan trọng là chế phẩm sinh học đã đáp ứng được yêu cầu của một nền nông nghiệp sạch là tạo ra các sản phẩm sạch cho người dùng.

Tiếp thu những thành quả của thế giới, cho đến nay Viện Bảo vệ thực vật cùng một số cơ quan phối hợp đã tiến hành nghiên cứu và đã đưa đưa xuống một số địa phương ứng dụng như:

- Công nghệ sản xuất và sử dụng một số loài ong ký sinh mắt đỏ *Trichogramma* để trừ sâu cuốn lá loại nhỏ, sâu đục thân ngô, mía, lúa, sâu đo hại đậu, sâu bông, sâu đậu đỗ...

- Công nghệ sản xuất trứng ngài gạo (*Corcyra cephalonica Stein*), ngài mạch (*Sitotroga*)...

- Công nghệ sản xuất bọ mắt vàng (*Chrysopa*), bọ rùa (*Coccinellidae*) ăn rệp, nhện ăn thịt...

- Công nghệ sản xuất và sử dụng thuốc trừ sâu vi sinh vật trên cơ sở tạo bào tử mang tinh thể độc tố Endotoxin của vi khuẩn *Bacillus thuringiensis* trừ sâu tơ, sâu xanh, sâu đo, sâu khoang ở một số rau chuyên canh của Hà Nội, Đà Lạt, thành phố Hồ Chí Minh...

- Công nghệ sản xuất và sử dụng các chế phẩm nấm gây hại côn trùng như nấm trắng *Beauveria bassiana*, nấm xanh *Metathizium anisopliae*, *Metathizium flavoviridae* trừ sâu róm thông, rầy nâu hại lúa, sâu đo xanh hại đậu, châu chấu hại ngô, mía, kiến vương hại dừa, đặc biệt là nấm *Metathizium* trừ châu chấu hại ngô mía ở miền Đông Nam bộ. Nấm *Trichoderma* và một số xạ khuẩn trừ bệnh hại cây trồng như bệnh héo rũ lác, bệnh ngô vằn ngô, lúa...

(Xem tiếp trang 12)

10 CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THIÊN NIÊN KỶ MỚI

NGUYỄN THIẾT GIÁP

Mốc thời gian và lịch sử phát triển của nhân loại đã có sự trùng hợp ngẫu nhiên thú vị: Khi thiên niên kỷ thứ ba bắt đầu cũng là thời điểm thế giới bước vào thời kỳ quá độ chuyển sang nền văn minh trí tuệ - nền văn minh thứ ba, tiếp sau văn minh nông nghiệp và văn minh công nghiệp. Bước chuyển này vừa là thời cơ, đồng thời là thách thức lớn đối với chúng ta. Ở điểm xuất phát thấp, còn có khoảng cách khá xa so với các nước phát triển, nước ta còn hội tụ, đan xen của cả ba nền văn minh. Trong đó hình thái kinh tế đang diễn ra sự chuyển dịch của nền kinh tế nông nghiệp, sự hình thành, phát triển của nền kinh tế công nghiệp và đang có những mầm mống manh nha của nền kinh tế tri thức. Điều này cho thấy rất rõ chúng ta không thể dễ dàng trong vòng một, hai chục năm có thể vượt qua chặng đường mà nhiều nước đã phải trải qua hàng trăm năm. Mặc dù vậy, chúng ta không thể chần chừ hay có sự lựa chọn nào khác được. Nếu không muốn bị tụt hậu xa hơn, chúng ta phải chủ động và mạnh dạn hội nhập, chấp nhận vào cuộc cạnh tranh quốc tế quyết liệt này. Đây thực chất là cuộc đua tranh về trí tuệ trong xu hướng toàn cầu hóa. Mục tiêu của chúng ta là cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vào năm 2020. Muốn thực hiện được mục tiêu này, chúng ta phải phát huy cao độ tiềm năng trí tuệ của con người Việt Nam để hướng tới nền kinh tế tri thức, hướng tới nền văn minh trí tuệ, đỉnh cao của văn minh nhân loại. Sự nghiệp này đòi hỏi sự nỗ lực, kiên trì phấn đấu rất cao của toàn Đảng, toàn dân. Là tổ chức tập hợp, đoàn kết rộng rãi đội ngũ trí thức khoa học công nghệ ở địa phương, Liên hiệp các Hội KH-KT tỉnh Lâm Đồng phải góp phần tích cực thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chương trình hoạt động dưới đây của Liên hiệp hội nhằm đáp ứng những yêu cầu và đòi hỏi bức xúc đó.

1. TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC KHOA HỌC

Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng đối với một tỉnh nông nghiệp có vùng nông thôn và miền núi rộng lớn như tỉnh ta. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi đội ngũ trí thức phải đóng góp nhiều công sức và trí tuệ. Hướng về cơ sở, Liên hiệp Hội tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng kỹ năng, tay nghề để các hộ nông dân có khả năng tiến nhân

thực hiện các chương trình dự án, phát triển nông nghiệp và nông thôn, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, thực hiện xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động.

2. TỔ CHỨC SINH HOẠT CÂU LẠC BỘ KHOA HỌC - KỸ THUẬT

Cùng với việc phối hợp, tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ thường xuyên với các hội chuyên ngành, Liên hiệp hội tiến hành xây dựng câu lạc bộ khoa học kỹ thuật ở các huyện, thị trong tỉnh. Đây là phương thức phù hợp để tập hợp lực lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật ở địa phương, cơ sở. Câu lạc bộ khoa học và kỹ thuật là nơi giới thiệu những thông tin khoa học mới, triển khai việc đưa nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới vào phục vụ sản xuất và đời sống.

3. TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC VÀ SINH HOẠT HỌC THUẬT

Liên hiệp Hội phối hợp với Sở KH, CN & MT tỉnh và các cơ quan hữu quan để tổ chức các hội thảo khoa học nhằm tập hợp trí tuệ của các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi của từng lĩnh vực để tìm giải pháp cho những yêu cầu bức xúc của sản xuất và các chương trình nghiên cứu của các hội viên, trao đổi về học thuật hỗ trợ cho việc nghiên cứu và triển khai ứng dụng của các hội viên.

4. THAM GIA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

Liên hiệp Hội phối hợp với Sở KH, CN & MT xuất bản tập san "Thông tin khoa học và công nghệ" để giới thiệu về những thành tựu và thông tin khoa học, công bố các kết quả nghiên cứu và các chương trình, dự án khoa học công nghệ được triển khai. Tập san là tiếng nói của đội ngũ trí thức khoa học công nghệ ở địa phương.

5. THAM GIA THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Liên hiệp Hội đảm nhận trước Hội đồng khoa học tỉnh việc lựa chọn các thành viên thực hiện phản biện bảo đảm tính trung thực, khách quan và chất lượng cho các chương trình nghiên cứu khoa học. Tham gia thực hiện các chương trình, dự án khoa học liên ngành mà Liên hiệp Hội có thể huy động được khả năng đóng góp, phát huy được trình độ chuyên môn của các thành viên và năng lực tổ chức thực hiện có hiệu quả.

6. TỔ CHỨC, VẬN ĐỘNG THAM GIA HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT

Liên hiệp Hội phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh và Sở KH, CN & MT tổ chức phát động phong trào quần chúng *phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quy trình công nghệ sản xuất*. Thông qua đó lựa chọn những sáng kiến và giải pháp sáng tạo kỹ thuật, công nghệ có giá trị để phổ biến áp dụng rộng rãi. Giới thiệu các chương trình nghiên cứu tham dự giải thưởng sáng tạo kỹ thuật toàn quốc.

7. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN

Do có trình độ chuyên môn và kiến thức khoa học, có điều kiện tiếp cận, xử lý thông tin nên trí thức khoa học công nghệ có khả năng xem xét đánh giá khách quan các vấn đề và sự kiện từ nhiều góc cạnh khác nhau để đưa ra những giải pháp và kiến nghị của mình. Vì vậy, tổ chức thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định về khoa học - công nghệ và kinh tế - xã hội là thế mạnh của Liên hiệp Hội. Đây cũng là phương thức phát huy năng lực trí tuệ của đội ngũ trí thức đóng góp vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Liên hiệp Hội đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhận nhiệm vụ tư vấn về những lĩnh vực có khả năng tập hợp được các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi tham gia và tổ chức thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực này.

8. THỰC HIỆN PHỐI HỢP VÀ HỖ TRỢ CÁC HỘI THÀNH VIÊN

Với vai trò tập hợp, điều hòa phối hợp hoạt động, Liên hiệp Hội là đầu mối liên hệ giữa các hội thành viên với các cơ quan Đảng, Nhà nước và Mặt trận tổ quốc của tỉnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ này, Liên hiệp Hội góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của nhà nước đối với các hội KHKT chuyên ngành. Mặt khác Liên hiệp Hội giúp giải quyết khó khăn, vướng mắc về nội dung và phương thức hoạt động hội. Thực hiện điều hòa, phối hợp để các hội thành viên tham gia thực hiện chương trình mục tiêu chung của hệ thống Liên hiệp Hội. Tạo điều kiện cho các hội phát huy khả năng hoạt động, đóng góp có hiệu quả vào việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH

Liên hiệp Hội thường xuyên tăng cường khả năng tập hợp đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển tổ chức, mở rộng khối đoàn kết trong Mặt trận tổ quốc tỉnh. Đồng thời phát huy vai trò của Liên hiệp Hội trong liên minh chiến lược công - nông - trí, làm nòng cốt cho khối đại đoàn kết toàn dân, tổ chức phát động trí thức tham gia ngày càng nhiều và đóng góp có hiệu quả vào các hoạt động chính trị - xã hội.

10. TỔ CHỨC TẬP HỢP TRÍ THỨC VIỆT KIỀU

Thông qua gia đình và thân nhân của trí thức Việt kiều để thiết lập mối quan hệ trao đổi những thông tin cần thiết. Tổ chức các buổi gặp mặt khi anh chị em có dịp về thăm quê hương để giới thiệu về tình hình địa phương và nghe giới thiệu về các chương trình nghiên cứu, hoạt động khoa học - công nghệ của giới trí thức Việt kiều. Tạo điều kiện hợp tác hỗ trợ để anh chị em đóng góp sức lực, trí tuệ, tham gia xây dựng quê hương, đất nước.

Những nội dung chính trong 10 chương trình hoạt động trên đây của Liên hiệp Hội nhằm thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động khoa học - công nghệ của Đảng và Nhà nước. Liên hiệp Hội cũng đã và đang mở rộng khả năng tham gia ngày càng nhiều hơn vào việc thực hiện xã hội hóa hoạt động giáo dục - đào tạo, xây dựng xã hội học tập như: lập quỹ học bổng, quỹ khuyến khích tài năng trẻ, tổ chức các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ... Tạo điều kiện cho người lao động thuộc mọi lứa tuổi, mọi thành phần kinh tế từng bước tiếp cận với nền kinh tế tri thức, đảm bảo thực hiện được những mục tiêu kinh tế - xã hội của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG...

(Tiếp theo trang 10)

- Công nghệ sản xuất và sử dụng các chế phẩm virút trừ sâu xanh bông, virút trừ sâu tơ, sâu khoang hại rau, virút trừ sâu keo da láng, virút trừ sâu xanh hại đay và virút trừ sâu róm hại thông rừng...

Nhìn chung tất cả các nghiên cứu trên của Viện Bảo vệ Thực vật đã thu được những kết quả nhất định và trong thực tế sản xuất người nông dân sử dụng các chế phẩm sinh học như một tác nhân sinh vật trên một số diện tích đối với một số cây trồng trừ được một số loài sâu hại như BT trừ sâu rau, nấm trừ sâu đo đay, châu chấu hại ngô ở Bà Rịa-Vũng Tàu, sâu róm thông hại rừng ở Thanh Hoá. Virút trừ sâu róm thông, sâu bông được các địa phương đánh giá tốt và đề nghị được sử dụng trên diện tích rộng mới thuyết phục được nông dân.

Việc tạo công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học được sử dụng để trừ một số sâu hại trên một số địa phương đã mở ra những triển vọng về hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả kinh tế, bước đầu đã khắc phục được khả năng các loại sâu hại chống thuốc hoá học như sâu tơ, sâu keo da láng, châu chấu... Chỉ có còn đường sinh học tạo ra những hệ thống tổng hợp bảo vệ cây trồng và bảo vệ cây trồng và bảo vệ môi trường chúng ta mới thấy hết được ý nghĩa to lớn của chúng.

Nguồn: Khoa học đại chúng phục vụ Nông nghiệp và Nông thôn. Hà Nội: NXB Nông nghiệp,

NHỮNG ĐỔI MỚI TRONG SẢN XUẤT RAU TẠI ĐÀ LẠT

CHU BÁ THÔNG

Sở nông nghiệp - phát triển nông thôn Lâm Đồng

Đà Lạt là thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng, từ lâu đã nổi tiếng là một địa danh du lịch có khí hậu bán nhiệt đới thích hợp cho việc hình thành và phát triển rau, hoa với nhiều chủng loại khác nhau. Có thể nói lịch sử hình thành vùng đất Đà Lạt gắn liền với quá trình phát triển ngành nông nghiệp mang nét riêng biệt với kỹ thuật canh tác ngày càng được hoàn thiện để đáp ứng được nhu cầu thị trường tiêu thụ. Rau - hoa của Đà Lạt từ lâu đã được xem như là một hàng hóa đặc thù của địa phương do trước đây rất ít vùng sản xuất khác trong nước có thể sánh được về màu sắc và chất lượng.

Tổng diện tích đất tự nhiên của Đà Lạt là 39.106 ha; trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 9.978 ha, chia ra đất chuyên nông nghiệp 5.300 ha, đất xen canh 4.678 ha. Đất sản xuất nông nghiệp chia làm 2 nhóm chính: nhóm feralit vàng đỏ chiếm tỷ lệ cao, nhưng độ phì từ thấp đến trung bình, tuy nhiên lượng lân dễ tiêu và một số nguyên tố vi lượng thích hợp cho cây rau, hoa và cây ăn quả. Nhóm còn lại là feralit nâu đỏ trên đá bazan có độ phì cao hơn, thích hợp cho việc canh tác loại rau có củ.

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT RAU TẠI ĐÀ LẠT

Theo kết quả khảo sát của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Đà Lạt, tình hình sản xuất một số loại rau chính vụ hè thu năm 2000 đạt khoảng 102.600 tấn; nếu tính cả vụ đông xuân toàn thành phố ước đạt tổng sản lượng rau là 160.000 tấn trong năm 2000. Hầu hết diện tích sản xuất rau của Đà Lạt đều ứng dụng quy trình sản xuất theo hướng rau an toàn, nhiều biện pháp kỹ thuật được áp dụng rộng rãi nhằm đảm bảo dư lượng Nitrat (NO_3), thuốc bảo vệ thực

vật, các kim loại nặng ở dưới mức quy định của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Sản xuất rau tại Đà Lạt tuy có những thuận lợi như đã nêu ở trên, nhưng do yếu tố cạnh tranh từ nhiều khu vực khác nhau hiện nay (hàng loạt vùng rau chuyên canh đã được hình thành ở các tỉnh, thành trong cả nước, nhất là vành đai xanh của thành phố Hồ Chí Minh) đã dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm rau xanh của thành phố Đà Lạt gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, tỷ lệ sản lượng rau xuất khẩu hàng năm còn rất thấp so với sản lượng có được; các sản phẩm rau chế biến hiện nay chỉ bước đầu ở mức sơ chế, một ít sản phẩm cũng đã được thực hiện qua khâu đông lạnh nhưng số lượng chưa nhiều.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH CỦA ĐÀ LẠT (1998-2000)

Năm	Chỉ tiêu	Chủng loại				
		Rau	Hoa	Chè	Cà phê	Cây ăn quả
1998	Diện tích (ha)	4.609	120	284	1.606	850
	Sản lượng (tấn)	107.040	125.060	544	615	4.760
1999	Diện tích (ha)	4.891	174	284	1.642	830
	Sản lượng (tấn)	118.450	171.630	525	1.278	4.648
2000	Diện tích (ha)	5.520	226	300	1.650	750
	Sản lượng (tấn)	160.000		540	1.287	4.200

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ LOẠI RAU VỤ HÈ THU CỦA ĐÀ LẠT NĂM 2000

Chỉ tiêu	Cây trồng					
	Cải bắp	Cải thảo	Súp lơ	Khoai tây	Cà rốt	Rau khác
Diện tích (ha)	1.265	154	404	275	765	309
Năng suất (tạ/ha)	474	259	332	115	218	176
Sản lượng (tấn)	59.960	3.986	13.400	3.160	16.670	5.420

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU RAU TẠI ĐÀ LẠT (1996-2000)

Hạng mục	1996	1997	1998	1999	2000 (ước)
Sản xuất	82.450	102.670	107.040	118.450	160.000
Xuất khẩu	5.460	3.160	4.790	7.000	5.000
% XK/SX	13,2	6,2	8,9	11,8	6,2

* **Giống rau sản xuất tại Đà Lạt:** bao gồm các loại hạt giống nhập nội như cải bắp, cải thảo, cà chua... và một số giống địa phương: súp lơ, cà rốt, khoai tây. Tất cả đều có chung đặc điểm là: ngắn ngày, kháng sâu bệnh, năng suất và chất lượng đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Một số giống được ưa chuộng như: Giống cải bắp Shogun, Grand 11, Pro 588...; giống cải thảo: Chorus, TN 35, TN 304...; giống khoai tây O7, O77, O6...; giống lơ, cà rốt địa phương. Bên cạnh những giống rau trên còn có một số loại rau khác: bắp cải tím, lơ tím, lơ xanh, ớt ngọt...

Các cây giống phần lớn được cung cấp từ phương pháp nuôi cấy mô, rất sạch bệnh.

Đối với loại cây con gieo ươm từ hạt, thường được gieo trong vỉ làm bằng chất xốp, có đục lỗ kích thước khác nhau tùy theo loại cây trồng. Đất sử dụng cho cây con được trộn với phân chuồng, phân vi sinh và chất xử lý đất cho vào đầy lỗ trong vỉ, sau đó gieo hạt vào giữa lỗ. Các vỉ đất sau khi gieo hạt được đưa lên sàn, cách ly với mặt đất để chăm sóc. Nhờ sử dụng phương pháp này việc chăm sóc được dễ dàng, kiểm soát được sâu bệnh trong thời gian cây ở vườn ươm, rút ngắn được thời gian sinh trưởng ngoài đồng ruộng và cây con khi trồng ra ruộng có tỷ lệ chết thấp, sinh trưởng tốt.

* **Cách sử dụng phân bón:** Việc sử dụng phân bón được thực hiện cân đối và hợp lý theo hướng tăng cường sử dụng vôi, phân hữu cơ, phân vi sinh thay vì trước đây thường sử dụng phân xác mắm làm đất ngày càng xấu đi. Việc bón phân đạm được ngưng sớm, tăng sử dụng phân bón lá, thuốc kích thích tăng trưởng nhằm trong danh mục cho phép vào các giai đoạn cuối.

* **Phòng trừ sâu bệnh:** Nông dân Đà Lạt có ý thức tốt trong việc phòng trừ sâu bệnh, sử dụng đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng thời gian, đúng bệnh; áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp IPM trên cây rau; tăng cường sử dụng thuốc trừ sâu vi sinh B.T (*Bacillus Thuringiensis*) và thực hiện việc chọn giống cây trồng. Người nông dân thường sử dụng các giống kháng bệnh và thực hiện luân canh cây trồng triệt để.

2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU CAO CẤP

Trong hoạt động phát triển sản xuất rau tại Đà Lạt

những năm gần đây đã nổi lên các mô hình sản xuất rau cao cấp được áp dụng ở một số công ty như Golden Garden (Kim Bằng), Trang Food hoặc một số nông hộ đã có hợp đồng cung ứng. Sản phẩm rau cao cấp chủ yếu cung cấp cho các khách sạn, nhà hàng, siêu thị và xuất khẩu, có hợp đồng cung ứng với số lượng, chủng loại, thời gian giao sản phẩm rất nghiêm ngặt. Sản phẩm rau cao cấp hầu hết được tiêu thụ với giá cao nên việc sản xuất rau cao cấp đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Diện tích sản xuất rau cao cấp hiện nay khoảng 14-15 ha (trong đó Công ty TNHH Kim Bằng 7 ha; Công ty TNHH Trang Food 2-2,5 ha; các hộ nông dân 4,5-5 ha). Việc tổ chức sản xuất rau cao cấp được áp dụng dưới 2 hình thức:

- Sản xuất cách ly trong nhà lưới hoàn toàn không sử dụng phân bón, nông dược vô cơ.

- Sản xuất cách ly trong nhà lưới có sử dụng giới hạn nông dược, phân hóa học.

* **Chủng loại rau:** Hạt giống được nhập từ nước ngoài và toàn bộ là hạt lai F1. Chủng loại rau cao cấp gồm: xà lách xoắn đỏ (Lolo Rossa), bí ngòi (Zucchini), lơ xanh (Broccoli), củ cải đỏ (Red radish), cà chua Cerise (Cherry tomato), ớt ngọt (Sweet pepper),...

* Quy trình canh tác

- Sản xuất cây con: Hạt giống được gieo trên vỉ hoặc bầu đất, dinh dưỡng cung cấp cho cây con chủ yếu là phân chuồng hoai mục, phân lân vi sinh, bón thúc bằng phân bón lá Mastergro (phân bón lá hữu cơ được trích từ cá, một chế phẩm của Mỹ) đồng thời với sử dụng phân Rootplex (chế phẩm được chiết xuất từ tảo bẹ của Na Uy, chứa trên 60 chất dinh dưỡng khác nhau). Vườn ươm cây con được cách ly bằng nhà lưới, việc phòng trừ sâu, rầy được thực hiện bằng dung dịch ớt pha đầu ăn, hoặc bắt bằng tay và đặt các bẫy, bả rải rác trong vườn ươm.

- Các định mức phân bón được quy định phù hợp với quy trình sản xuất có hoặc không có xử lý nông dược trên cây rau. Để hạn chế lượng nitrat trong sản phẩm việc bón thúc đạm bằng urê hoặc NPK được chấm dứt từ 35-40 ngày sau trồng.

- Một số nông dược được hạn chế sử dụng như: Dithane M45, Pegasus, BT Xentari...

- Toàn bộ việc sản xuất rau cao cấp được thực hiện trong nhà lưới hoặc nhà ni lông và được trồng trên màn phủ ni lông đen cách ly với mặt ruộng.

- Nguồn nước tưới cho rau cao cấp được lấy từ các nguồn nước sạch, nước từ nguồn rừng, sau đó tích trữ trong hồ để bơm tưới lại với hệ thống tưới phun sương, phun mưa.

Canh tác rau trong nhà có mái che bằng ni lông

Canh tác rau cao cấp trong nhà có mái che bằng ni lông được nông dân Đà Lạt học tập, cải tiến để xây dựng các mô hình phù hợp với điều kiện canh tác rau, hoa và thời vụ canh tác tại địa phương. Đây là một tiến bộ kỹ thuật đang được áp dụng ngày càng rộng rãi vì có những ưu điểm sau: ngăn cản được ảnh hưởng mưa bão trong vụ hè thu; ít sâu bệnh, giảm sử dụng thuốc hóa học, giảm sự lây lan nguồn bệnh từ môi trường chung quanh; tăng hiệu quả sử dụng phân bón, hạn chế được rửa trôi của phân bón; chủ động điều chỉnh được độ ẩm và nhiệt độ.

Có nhiều dạng nhà có mái che bằng ni lông: Dạng nhà vòm, dạng nhà 1 mái, dạng có mái lợp liên tiếp và dạng mái hình chữ A có khoảng cách giữa hai mái để lưu thông không khí. Qua một thời gian canh tác nông dân đã xác định được những ưu, khuyết điểm của từng dạng nhà. Hiện nay, dạng mái nhà hình chữ A có nhiều ưu điểm và diện tích ngày càng mở rộng với quy cách thay đổi để phù hợp với yêu cầu của nông dân.

Canh tác rau trên mặt luống có phủ ni lông

Canh tác rau có phủ ni lông trên mặt luống đang được nông dân Đà Lạt áp dụng ngày càng nhiều. Những ưu điểm của việc áp dụng tấm phủ ni lông đó là: hạn chế được sâu bệnh gây hại, giảm công làm cỏ, giảm bốc thoát hơi nước (trong mùa khô); giữ vững được cấu trúc của đất, hạn chế sự rửa trôi của phân bón, giảm bốc hơi phân đạm. Việc sử dụng tấm phủ ni lông trên mặt luống mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng trần và có thể sử dụng được trong 3 vụ.

Qua tổng kết hoạt động sản xuất rau cao cấp tại Đà Lạt, việc áp dụng nhà có mái che bằng phủ ni lông và canh tác trên mặt luống có phủ ni lông đã mang lại hiệu quả kinh tế cao đối với người trồng rau.



Một số giải pháp về kỹ thuật tình thế đối với cây cà phê ở các tỉnh phía Nam

Cà phê là một loại nông sản thực phẩm có giá trị kinh tế cao, có thể trao đổi trên thị trường thế giới. Trong những năm vừa qua, diện tích cà phê trong cả nước, đặc biệt là Tây Nguyên đã tăng lên rất nhanh. Vì tốc độ phát triển cây cà phê quá nhanh nên giống không được chọn lọc, vườn cây không đồng đều. Bên cạnh đó việc đầu tư cho công tác chăm sóc, thu hoạch, công nghệ chế biến, bảo quản chưa tương xứng. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng chất lượng cà phê không ổn định và việc xuất khẩu trở nên khó khăn, lúng túng, tuy sản lượng cà phê từng năm tăng nhưng nguồn thu ngoại tệ lại không tăng và chúng ta đang có nguy cơ bị mất thị trường tiêu thụ.

Trước tình trạng này, đã có một số giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp và các hộ trồng cà phê để vừa giữ được sản lượng đồng thời với việc nâng cao chất lượng cà phê. Chúng tôi xin giới thiệu một số giải pháp sau để cùng tham khảo.

1. Đối với các vườn cà phê giai đoạn kiến thiết cơ bản, hoặc đầu kinh doanh chưa khép tán không đầu tư làm cỏ trắng để giảm chi phí lao động. Chỉ làm cỏ trên hàng. Tốt nhất nên trồng xen các loại cây đậu để tăng thu nhập, bảo vệ, cải tạo và bồi dưỡng đất, tận dụng tàn dư thân lá để làm phân bón cho cà phê.

2. Tiến hành cải tạo các vườn cà phê cho năng suất thấp bằng các dòng chọn lọc cho năng suất cao và kích cỡ hạt lớn.

3. Đối với các vườn cà phê kinh doanh đã khép tán có hệ cây đai rừng, cây che bóng tốt nên kéo dài chu kỳ tưới từ 20-25 ngày lên 35-40 ngày để giảm chi phí tưới. Lượng nước tưới đợt đầu khoảng 600m³/ha các lần sau : 450-500m³/ha/lần. Cần xác định thời điểm tưới thích hợp, tránh tưới nước quá sớm khi hoa cà phê chưa phân hóa một cách đầy đủ. Không tỉa thưa cây che bóng trên lô.

4. Sử dụng phân bón hợp lý và cân đối trên cơ sở mối quan hệ giữa đất đai và năng suất cây cà phê, tránh lạm dụng phân bón hóa học như hiện nay. Lượng phân bón được khuyến cáo cho giai đoạn trước mắt nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất:

- Phân hóa học (kg/ha/năm, cho năng suất trung bình 2,3-2,7 tấn nhân/ha);

* 150N + 50 P₂O₅ + 130 K₂O (đối với đất nâu đỏ trên bazan).

(Xem tiếp trang 25)



NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI LIÊN KẾT TOÀN CẦU VÌ SỰ SỐNG

Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) đã chọn chủ đề cho Ngày Môi trường thế giới (05.06) năm nay với tên gọi “**Liên kết toàn cầu vì sự sống**” (**Connect with the World Wide Web of Life**). UNEP muốn phản ánh “*nhu cầu tạo ra mối quan hệ gắn bó giữa chúng ta với mọi cuộc sống trên Trái đất bằng bất kỳ cách nào mà chúng ta có thể. Mối quan hệ gắn bó đó có thể xây dựng thông qua công nghệ hiện đại, bằng các biện pháp truyền thông hoặc cùng bắt tay với các cá nhân và các tổ chức*”.

Ngày Môi trường thế giới năm nay sẽ tổ chức chính tại hai quốc gia: Italia (thành phố Torino) và Cuba (thành phố Havana), được kết nối thông tin với Kenya (Nairobi), trụ sở của UNEP, và Việt Nam (Thừa Thiên - Huế). Ngoài ra trên toàn thế giới, tùy vấn đề cụ thể của từng địa phương sẽ diễn ra các hoạt động như miting, trồng cây, làm sạch đường phố...

Tại Lâm Đồng, hưởng ứng cuộc thi “**Những hạt mưa xanh**” do dự án Giáo dục môi trường trong nhà trường phổ thông Việt Nam VIE98/018, Sở khoa học, công nghệ và môi trường đã phối hợp với Sở giáo dục - đào tạo tổ chức cuộc thi cho học sinh các cấp trong tỉnh. Mặc dù tổ chức thi vào dịp thi học kỳ I nhưng số lượng tranh tham dự khá đông - 1.363 bức tranh và 311 tác phẩm văn học.

Nội dung cuộc thi yêu cầu là vẽ tranh áp phích, tranh cổ động và sáng tác truyện ngắn, kịch ngắn với chủ đề bảo vệ nguồn nước. Đây là lĩnh vực tương đối khó đối với lứa tuổi học sinh, đặc biệt là cấp I. Tuy vậy những tác phẩm dự thi cũng đã thể hiện được nhiều ý tưởng khá phong phú và được Ban giám khảo đánh giá rất cao.

Qua cuộc thi đã nâng cao được nhận thức về bảo vệ môi trường cho học sinh đồng thời mở ra hướng tuyên truyền, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và truyền thông về môi trường trong toàn tỉnh.

Kết quả, Ban tổ chức đã trao 4 giải nhất, 4 giải nhì, 4 giải ba và 8 giải khuyến khích cho các em tham dự.



GIẢI NHẤT: THÂN TRỌNG NHẬT QUỲNH
LỚP 64 TRƯỜNG HERMANN GMEINER



GIẢI NHẤT: TRẦN THỊ THÚY HẰNG
LỚP 8/1 TRƯỜNG PTH CHI LĂNG - ĐÀ LẠT



GIẢI NHẤT: HOÀNG THỊ TUYẾT QUỲNH
LỚP 7B TRƯỜNG HERMANN GMEINER



GIẢI NHÌ: DIỆU HIỀN



GIẢI KHUYẾN KHÍCH: TRẦN THỊ THÚY HẰNG

VƯỜN THƠ:

Hoa Tư Tượng



BẠCH PHƯƠNG LAN

Bút danh: Bạch Nhật Phương

Sinh năm 1946 tại Hải Dương

Cử nhân Sinh học

Thạc sĩ Khoa học giáo dục

Giảng viên Trường đại học Đà Lạt

Tác phẩm: *Chiều không bình yên* (1997), *Dừng đứng* (2000)



NÓI VỚI NGƯỜI ĐI TRỒNG RỪNG

Em mong anh
 Như chưa từng mong ai như thế
 Em nhớ anh
 Như nỗi nhớ của tình đầu
 Khi ta bên nhau
 Em chưa biết thế đâu
 Trong xa cách
 Mới thấy mình lưu luyến quá

Em vẫn nói cười
 Như bình thường tất cả
 Mà riêng lòng da diết quá đi thôi
 Em cứ tính thầm
 Từng tháng, tháng trôi
 Dù vẫn biết
 Ngày về chưa tới hẹn

Khi thành phố
 Vừa chìm trong ánh điện
 Em lại bàng hoàng
 Nhớ buổi chia tay
 Anh đến với rừng

Hay anh đến với ai ?
 Trong rậm rạp
 Những đôi cây trùng điệp
 Anh có nghe
 Tiếng gió reo thao thức
 Mang lời em
 Vẫy gọi bước chân anh !
 Thành phố nơi em
 Trời vẫn thăm sắc xanh
 Riêng nỗi nhớ
 Lại mang màu tím biếc
 Dừng nơi anh
 Có vọng lời tha thiết
 Và bình minh
 Có rực rỡ nắng mai
 Anh đi trồng rừng
 Ươm giữ những mầm cây
 Có ươm được
 Nỗi đợi chờ
 Cùng tình em trong ấy ?

BUỔI SỚM ĐẾN GIẢNG ĐƯỜNG

Mặt trời mọc
 Hàng thông reo vi vút.
 Rặng cúc ven đường
 Chùm chim nụ cười duyên
 Tháp thoáng đôi sim
 Hàng mái ngói ẩn chìm
 Khung cửa mở
 Giảng đường vào ngày mới!
 Những gương mặt
 Khi suy tư
 Khi bưng vui sôi nổi
 Những ánh mắt nhìn

Như đón đợi lời tôi
 Tháp sáng niềm vui
 Không dễ nói thành lời
 Đò vãn qua sông
 Đưa khách vượt khơi
 Mỗi lượt chờ
 Một vụ mùa thu hái
 Khoang thuyền nhỏ
 Cứ đầy thêm hoa trái
 Quả chín tặng cho đời
 Niềm vui giữ cho tôi

Đà Lạt, 1991

NẮNG SỚM

Từ lầu cao
 Nhìn xuống sân gôn
 Năng sớm phủ
 Mịn màng trên thảm cỏ
 Từng cây thông
 In bóng mình mờ tỏ
 Gió nhẹ nhàng
 Lay động khóm cây cao
 Dòng suối ven đồi
 Lóng lánh những đốm sao
 Làn sóng bạc
 Tan dần vào trong nắng
 Bên cửa sổ
 Chỉ mình em đứng ngắm
 Chỉ mình em thắm lạnh giữa ban mai.

Đà Lạt, 1997

THÀNH PHỐ VÀO XUÂN

Xuân trở lại
 Vãn dịu dàng như muôn thuở
 Cánh anh đào nhỏ nhỏ khẽ đung đưa
 Hoa cúc vàng thủ thỉ với nắng trưa
 Thông nhảy nhót reo vui cùng gió sớm
 Trời xanh thắm, mây vờn trong nắng ấm
 Và nụ hồng e ấp nép trên cây
 Thành phố vào xuân - đắm thắm mê say
 Em bước đi trong chiều nắng hôm nay
 Lòng xao xuyến, gọi về bao kỷ niệm
 Hoa nở rồi hoa tàn
 Nhưng mùa xuân bất diệt!
 Thành phố vào xuân
 Lòng người cũng sang xuân.

Xuân 1986

VAI TRÒ CỦA SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN TRONG THỜI KỲ TIỀN SẢN

BS. BÙI HOÀNG HẢI THỦY

Khoa chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng

Trước đây ba thập kỷ, thai nhi nằm trong bụng mẹ còn nhiều bí ẩn đối với các nhà sản khoa. Người ta chỉ có thể theo dõi sự sống, sự phát triển của thai qua nghe tim thai hoặc dùng những phương pháp gián tiếp qua thăm khám thai bằng tay, đo bề cao tử cung... chứ không thể nhận diện trực tiếp và theo dõi sự phát triển của thai được. Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật ngày nay đã cho phép chúng ta vén bức màn bí mật.

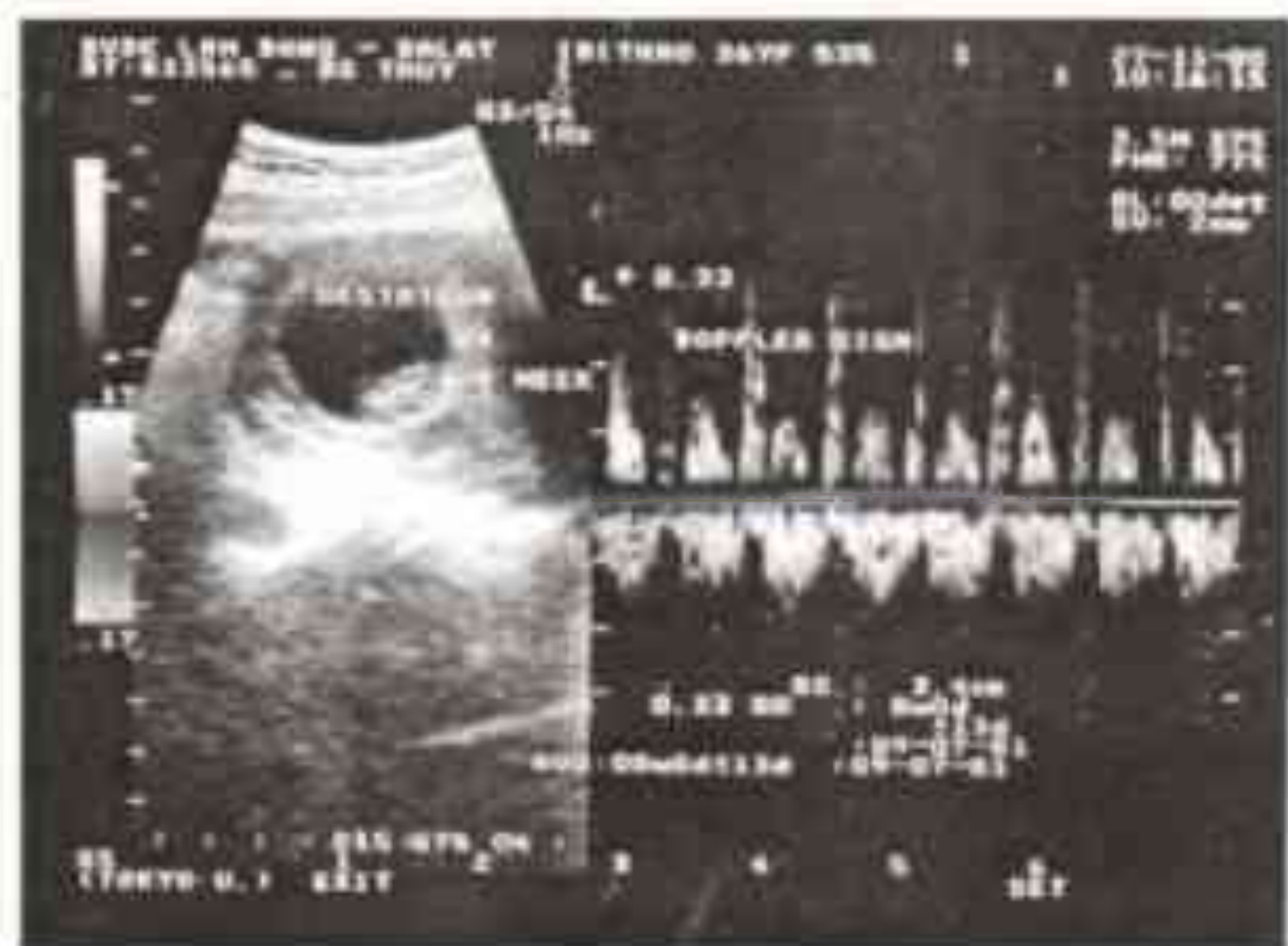
I. VAI TRÒ CỦA SIÊU ÂM TRONG THAI KỲ

Hơn bất cứ một phương tiện chẩn đoán nào khác, hiện nay siêu âm có thể mang lại cho chúng ta rất nhiều dữ kiện có liên quan đến thai kỳ. Tại các nước tiên tiến, người ta áp dụng lịch khám siêu âm định kỳ mỗi tam cá nguyệt cho sản phụ (trừ những thai kỳ bất thường), vì ở mỗi tam cá nguyệt siêu âm giữ một vai trò trọng điểm khác nhau.

II. LỊCH KHÁM SIÊU ÂM ĐỊNH KỲ CHO SẢN PHỤ

1. Tam cá nguyệt đầu: 8-14 tuần, xác định

- Sản phụ có thai hay không?
- Thai có nằm trong tử cung không?
- Thai sống hay chết?
- Số lượng thai



- Đặc biệt quan trọng là việc giúp xác định tuổi thai (nhất là đối với những sản phụ không nhớ ngày kinh cuối cùng, kinh nguyệt không đều hoặc ra máu bất thường ở giai đoạn đầu của thai kỳ).

- Giúp chẩn đoán sớm một vài dị tật nghiêm trọng như thai vô sọ và một số trường hợp thai bệnh lý (thai

trứng, thai lưu...); các bất thường ở tử cung, phần phụ có ảnh hưởng đến thai kỳ.

2. Tam cá nguyệt giữa: 22-24 tuần

- Đây là thời kỳ quan trọng để khảo sát hình thái học của thai nhằm chẩn đoán sớm các dị tật bẩm sinh, vì ở thời điểm này có nhiều yếu tố thuận lợi cho việc khảo sát siêu âm như: lượng nước ối nhiều, thai nhi xoay trở luôn...



- Dưới đây là biểu đồ các thời điểm tốt nhất để ứng dụng chẩn đoán dị tật bẩm sinh thường gặp.

Biểu đồ cho chúng ta thấy thời điểm tốt nhất để phát hiện hầu hết những dị tật thường gặp là từ 22-26 tuần. Sau 30 tuần, tỷ lệ phát hiện dị tật bắt đầu giảm dần.

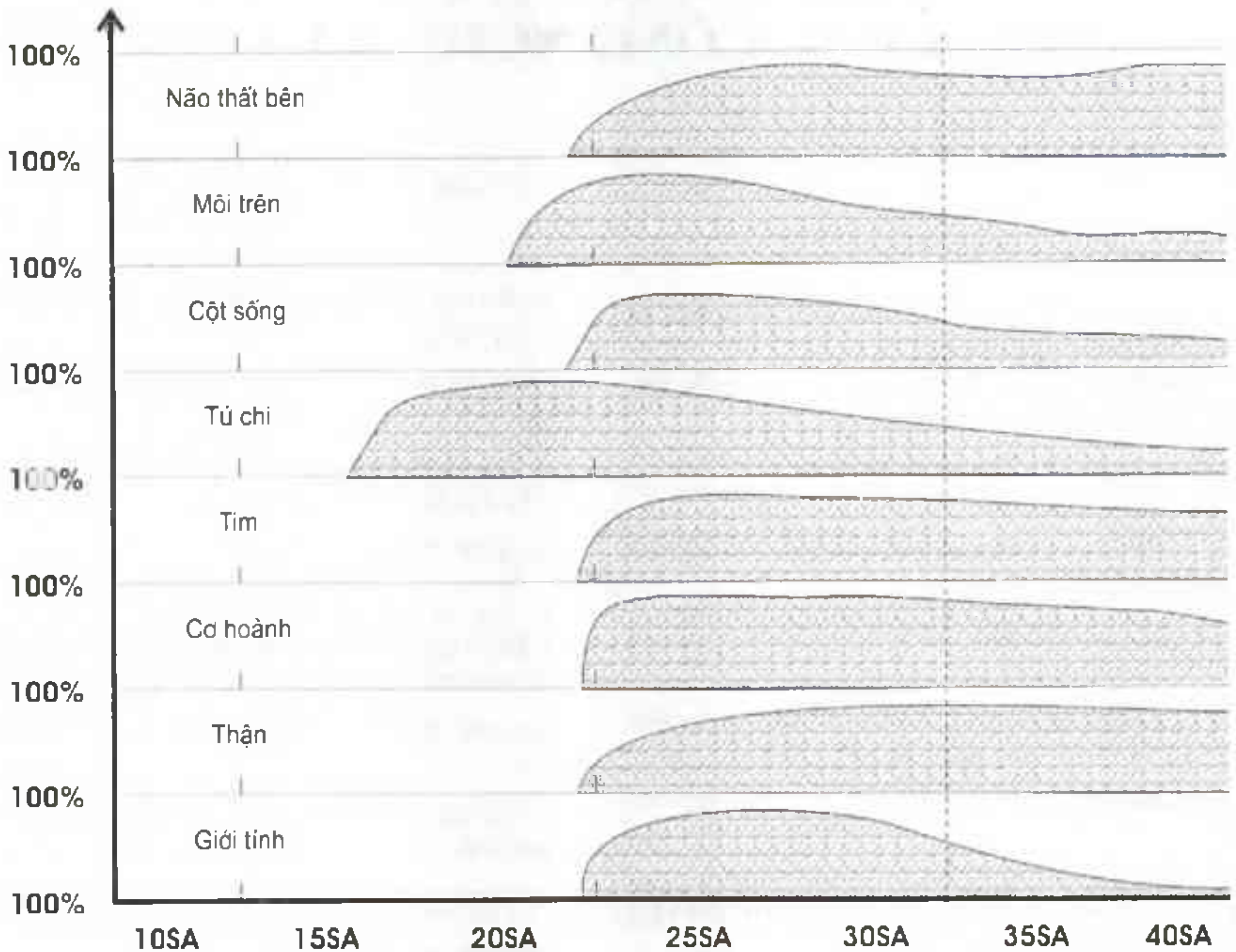
3. Tam cá nguyệt cuối: 32-34 tuần

Siêu âm ở tam cá nguyệt này chỉ được coi như một khám nghiệm bổ túc cho hai lần khám trước vì ở giai đoạn này:

- Tuổi thai không còn chính xác nữa vì sai số nhiều (+ 4 tuần)
- Chẩn đoán dị dạng bẩm sinh rất khó khăn và không chính xác (thai lớn, nước ối ít, thai ít xoay trở,...)
- Nếu có phát hiện được dị tật cũng không thể chấm dứt thai kỳ một cách thuận lợi.

Siêu âm ở giai đoạn này chủ yếu:

- Theo dõi sự tăng trưởng của thai



Tuổi thai tính theo tuần lễ kể từ ngày kinh chót (SA: semaine d'amenorrhé)

- Phát hiện một số bất thường khác như: não úng thủy, thận ứ nước...
- Biết chẩn đoán ngôi thai
- Biết thêm một số dữ kiện như vị thế thai, lượng nước ối, vị trí nhau bám...

4. Dựa vào những phân tích trên, tại các nước tiên tiến cũng như các bệnh viện phụ sản trong nước đã thống nhất lịch khám siêu âm cho các sản phụ như sau:

- Lần khám siêu âm I: thai được 8-14 tuần (kể từ ngày kinh chót)
- Lần khám siêu âm II: thai được 22-24 tuần
- Lần khám siêu âm III: thai được 32-34 tuần

Nếu chúng ta áp dụng đúng, kết hợp với việc thăm khám thường xuyên, thiết nghĩ sức khỏe của sản phụ và thai nhi sẽ được theo dõi và đánh giá một cách có hiệu quả nhất.

III. KẾT LUẬN

Trong lĩnh vực sản khoa, ngày nay siêu âm giữ một vai trò hầu như không thể thiếu trong chẩn đoán tiền sản. Với những kỹ thuật hiện đại, với khả năng và sự hiểu biết của người làm siêu âm sản khoa, cùng với sự hợp tác mật thiết giữa các bác sĩ hình ảnh học - bác sĩ nhi khoa - bác sĩ sản khoa và việc áp dụng đúng lịch khám siêu âm định kỳ, chúng ta có thể chẩn đoán sớm rất nhiều bệnh lý đe dọa đến đời sống thai nhi. Trên cơ sở khách quan đó đi đến quyết định chấm dứt thai kỳ một cách đúng lúc, tránh những rủi ro đáng tiếc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. H.D. Rott, *Safety of Diagnostic Ultrasound: Ultrasound Diagnostic in Obste. And Gyne*, pp. 15-16, 1985.
2. Roger Henrion, *Diagnostic prénatale et médecine foetale*, pp. 25-37, 1987.

DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2001

BIÊN SOẠN: NGÔ ĐÌNH VĂN CHÂU

Phòng Quản lý KHCN

I. CÁC KỸ THUẬT TIẾN BỘ ĐƯA VÀO ÁP DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Xây dựng mô hình chống xói mòn cho cây dâu tằm trên đất dốc bằng cây cỏ vetiver .

Cơ quan chuyển giao, áp dụng: Trung tâm NC& CG kỹ thuật Đất Phấn Tp.HCM

2. Tuyển chọn và nhân nhanh một số giống cây lâm nghiệp bản địa phục vụ trồng rừng tại Lâm Đồng

Cơ quan chuyển giao, áp dụng: Chi cục phát triển Lâm nghiệp Lâm Đồng

3. Ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy invitro phục vụ công tác nhân nhanh các giống chè tại Lâm Đồng

Cơ quan chuyển giao, áp dụng: Phân Viện sinh học Đà Lạt

4. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác quản lý các lĩnh vực kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng.

Cơ quan chuyển giao, áp dụng: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lâm Đồng

5. Ứng dụng kỹ thuật ghép chồi để sản xuất cây điều giống cho các vùng trồng điều tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan chuyển giao, áp dụng: Trung tâm khuyến nông Lâm Đồng

6. Xây dựng mô hình tưới hiện đại, tưới tiết kiệm nước cho các vùng cây công nghiệp tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan chuyển giao, áp dụng: Viện khoa học thủy lợi miền Nam

II. CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

1. Sản xuất thử nghiệm rượu vang Dâu tây và nước giải khát Cà rốt

Cơ quan chủ trì: Công ty thực phẩm LĐ

2. Sản xuất nấm Linh chi

Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt

3. Sản xuất giống cây con Dương Cam Cúc và các chế phẩm từ cây Dương Cam Cúc

Cơ quan chủ trì: Trung tâm trồng và chế biến cây thuốc Đà Lạt

4. Sản xuất thử vật liệu không nung phục vụ các công trình xây dựng

Cơ quan chủ trì: Công ty vật liệu xây dựng Lâm Đồng

5. Sản xuất mương bê tông ly tâm đúc sẵn phục vụ bê tông hóa kênh mương thủy lợi.

Cơ quan chủ trì: Nhà máy cơ khí Lâm Đồng

III. CÁC DỰ ÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN

1. Đánh giá đất phục vụ quy hoạch và sử dụng đất để phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan chủ trì: Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp

2. Đánh giá trình độ công nghệ các ngành sản xuất công nghiệp

Cơ quan chủ trì: Sở KH,CN&MT - Sở Công nghiệp

IV. NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

1. Xây dựng bản đồ nước ngầm cho vùng trọng điểm dân cư - kinh tế huyện Cát Tiên, tỉ lệ 1/25.000.

Cơ quan chủ trì: Đoàn địa chất 707

2. Nghiên cứu nguyên nhân gây chết hàng loạt trên rừng thông trồng ở Lâm Đồng và biện pháp phòng trừ.

Cơ quan chủ trì: Chi cục Kiểm lâm Lâm Đồng

3. Nghiên cứu, cải tạo vườn cà phê vối (robusta) bằng phương pháp ghép chồi.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm thực nghiệm Nông Lâm nghiệp LĐ

4. Sản xuất thử nghiệm rau an toàn tại thành phố Đà Lạt.

Cơ quan chủ trì: - Sở KH,CN&MT

- Sở NN&PTNT

5. Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và phát triển cây sâm Việt Nam trong điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm trồng và chế biến cây thuốc Đà Lạt.

6. Chọn lọc và lai tạo giống dâu tây có năng suất và

chất lượng tốt phù hợp với điều kiện khí hậu tại Đà Lạt.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Nghiên cứu cây thực phẩm Đà Lạt.

7. Khảo nghiệm các giống chè có triển vọng tại Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm chè Lâm Đồng

8. Nghiên cứu quy trình thâm canh và quản lý dinh dưỡng tổng hợp nhằm tăng năng suất cà phê.

Cơ quan chủ trì: Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật đất - phân.

9. Nghiên cứu khả năng ứng dụng của một số nguyên liệu hiện có tại Lâm Đồng để phục vụ sản xuất sứ cách điện.

Cơ quan chủ trì: Chọn cơ quan chủ trì

10. Thiết kế và sản xuất máy sấy nông sản qui mô nhỏ.

Cơ quan chủ trì: Nhà máy cơ khí Lâm Đồng.

11. Thử nghiệm nuôi tôm càng xanh tại Lâm Đồng

Cơ quan chủ trì: Trung tâm khuyến nông tỉnh

12. Nghiên cứu chọn lọc và phát triển sản xuất các giống hoa tại Đà Lạt.

Cơ quan chủ trì: Chọn cơ quan chủ trì

13. Nghiên cứu ứng dụng việc trồng nấm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Công ty trách nhiệm hữu hạn Khôi Nguyên.

14. Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2001 - 2010.

Cơ quan chủ trì: Sở KH, CN & MT

15. Xây dựng cơ chế quản lý du lịch và nghiên cứu các giải pháp nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch tại Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Sở du lịch Lâm Đồng và các ngành

16. Xây dựng cơ chế thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước vào Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch - Đầu tư và các ngành.

IV. CHƯƠNG TRÌNH XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

17. Đánh giá hiệu quả đào tạo và sử dụng nguồn lực lao động người dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng

Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo

18. Xây dựng chương trình, giáo trình môn địa

phương học ở Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Trường CĐ sư phạm Đà Lạt

19. Đánh giá thực trạng và xây dựng các giải pháp nhằm cải thiện sức khỏe nhân dân Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế Lâm Đồng

20. Đổi mới mô hình và phương thức hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp ở Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Liên minh các hợp tác xã ngoài quốc doanh

21. Thực trạng đói nghèo và các giải pháp giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Sở Lao động TBXH

22. Hoàn chỉnh bộ Địa chí tỉnh Lâm Đồng.

Cơ quan chủ trì: Ban Tuyên giáo

V. DỰ ÁN HỖ TRỢ MIỀN NÚI

1. Áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc Thôn 5, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan chuyển giao: UBND huyện Cát Tiên

2. Vốn đối ứng cho dự án nông thôn miền núi cấp Nhà nước "Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi nhằm góp phần ổn định và nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng".

Cơ quan chuyển giao: Sở KH, CN & MT Lâm Đồng

VI. HỖ TRỢ ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

1. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000.

Cơ quan áp dụng: Công ty Thực phẩm Lâm Đồng

2. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Iso 9000.

Cơ quan áp dụng: Công ty Dược - vật tư y tế LD

3. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Q-Base.

Cơ quan áp dụng: Công ty cổ phần Hiệp Thành

HIỆN TƯỢNG SƯƠNG MÙ

Ở LÂM ĐỒNG

TRẦN XUÂN HIỂN

Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Lâm Đồng

I. KHÁI NIỆM VỀ SƯƠNG MÙ

Sương mù là hiện tượng hơi nước trong khí quyển ngưng kết lại thành những hạt nước rất nhỏ lơ lửng trong không khí và làm giảm tầm nhìn của chúng ta.

Tùy theo điều kiện hình thành của từng loại sương mù mà người ta chia sương mù thành một số loại sau:

- Sương mù bình lưu;
- Sương mù bức xạ;
- Sương mù bốc hơi;
- Sương mù prônt...

Ở Lâm Đồng, phổ biến nhất là loại sương mù bức xạ; sương mù này được hình thành khi mặt đệm (mặt đất) bị lạnh đi nhiều do bức xạ vào lúc trời quang mây lặng gió.

II. NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH SƯƠNG MÙ

Sương mù là một hiện tượng khí tượng mà chúng ta thường thấy và cũng rất đáng quan tâm. Tuy nhiên sương mù không phải lúc nào cũng có thường xuyên. Về cơ bản sương mù muốn hình thành được phải thỏa mãn một số điều kiện sau:

- Độ ẩm tương đối của không khí phải cao.
- Nhiệt độ không khí tương đối thấp.
- Tốc độ gió yếu hoặc lặng gió.

Sương mù thường xuất hiện khi không khí từ mặt nước, ao, hồ, sông suối có độ ẩm tương đối lớn di chuyển tới vùng có nhiệt độ mặt đệm thấp hơn.

III. CÁC LOẠI SƯƠNG MÙ

1. Sương mù bốc hơi

Sương mù bốc hơi được hình thành khi nhiệt độ ở mặt nước nhỏ hơn nhiệt độ của lớp không khí bên trên của nó; lúc này sự bay hơi hầu như không xảy ra do sức trương hơi nước trong lớp không khí bên trên nhỏ hơn sức trương hơi nước ở mặt nước và như vậy trạng thái bão hòa của hơi nước trong lớp không khí bên trên mặt nước không thể đạt được. Ngược lại, khi nhiệt độ của lớp không khí bên trên mặt nước nhỏ hơn nhiệt độ mặt nước thì sự bay hơi tiếp tục xảy ra. Khi độ ẩm không khí phía trên đã đạt đến trạng thái bão hòa, lượng hơi nước thừa ngưng kết tạo thành sương mù.

2. Sương mù bình lưu

Được hình thành khi khối không khí nóng di chuyển trên các mặt đệm trải dưới lạnh đi; khi đó trong khối không khí sẽ tạo thành một lớp nghịch nhiệt và sương mù được tạo thành từ mặt đất đến ranh giới của lớp nghịch nhiệt. Trong thực tế thì

nguyên nhân hình thành sương mù loại này rất đa dạng, người ta phân ra làm 2 loại sương mù bình lưu chính như sau:

a. *Sương mù bình lưu nóng*: Được xuất hiện trong trường hợp không khí bị lạnh đi khi mặt đệm lạnh hơn nó, đây là dạng phổ biến nhất của sương mù bình lưu, hình thành trong khối không khí nóng ẩm, như khối không khí nhiệt đới biển khi đi vào đất liền có nhiệt độ thấp hơn. Ở nước ta thường thấy sương mù loại này từ biển Đông vào đất liền trong các tháng mùa lạnh.

b. *Sương mù bình lưu lạnh*: Xuất hiện trên một khoảng nước khi có hơi nước bốc hơi từ mặt nước ấm vào không khí lạnh, trên đất liền có thể gặp sương mù bốc hơi từ lòng sông, hồ, ao...

3. Sương mù prônt

Đây là loại sương mù xuất hiện trong trường hợp khi prônt nóng đi qua có mưa, nhờ sự bay hơi của các giọt nước mưa nên không khí gần mặt đất sẽ bão hòa, đồng thời áp suất giảm nhanh, không khí giãn nở đoạn nhiệt và lạnh đi, vì vậy hơi nước ở sát mặt đất để ngưng kết lại thành sương mù.

4. Sương mù bức xạ

Loại sương mù này thường xuất hiện trong lười áp cao lạnh lục địa, xảy ra vào thời kỳ đầu và giữa mùa đông khi không khí tương đối ẩm, nhiệt độ thấp và trời quang mây. Thời gian xuất hiện thường xảy ra nửa đêm về sáng.

- Trong trường hợp lặng gió, sương mù bức xạ hình thành trong lớp không khí sát mặt đất (cách mặt đất từ 2-5 m) trên mặt nước và trong thung lũng.

- Khi tốc độ gió chỉ đạt khoảng 2-3 m/s thì sương mù bức xạ phát triển thành một lớp dày hơn, có thể phát triển tới độ cao từ 100-150 m.

- Sương mù bức xạ mặt đất thường tan đi cùng với lớp nghịch nhiệt ở lớp sát đất và thường không tồn tại được lâu khi mặt trời xuất hiện.

- Loại sương mù này hình thành theo từng nhóm, nếu có sương mù bức xạ trên cao có thể nó nhập vào với mây tầng thấp và nó sẽ tồn tại được lâu hơn.

IV. CƠ SỞ DỰ BÁO SƯƠNG MÙ

Như đã nói ở trên, nguyên nhân hình thành sương mù rất đa dạng, hơn nữa để dự báo được hiện tượng sương mù có thể xảy ra hay không còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khí tượng và nhân tố con người. Bên cạnh đó tùy theo từng mùa, từng địa phương và từng đặc tính của mặt đệm mà có các loại sương mù khác nhau.

Về cơ bản trước hết muốn dự báo được sương mù cần phải nắm được loại hình thời tiết đang chế ngự trên địa bàn khảo sát là loại hình thời tiết gì? Nếu đang bị khống chế bởi hình thời tiết là "lưỡi cao lạnh" hoặc nằm sâu trong "áp cao lạnh lục địa" thì khả năng sương mù bức xạ xảy ra là điều có thể có. Nhưng đó chỉ là điều kiện khách quan, thực tế sương mù có thể xảy ra hay không còn phụ thuộc vào các điều kiện:

- Nhiệt độ không khí phải tương đối thấp
- Độ ẩm tương đối của không khí lại phải cao
- Đồng thời bầu trời phải hầu như là quang mây, lặng gió.

Đặc biệt khi tốc độ gió lớn hơn hoặc bằng 3 m/s, mà trời bao phủ từ 8-10 phần mây tầng thấp và tầng trung bình thì không có khả năng xảy ra sương mù bức xạ. Ngược lại khi tốc độ gió nhỏ hơn hoặc bằng 2 m/s, trời quang mây, ngay cả khi độ ẩm tương đối của không khí chỉ đạt từ 70-80% cũng vẫn có khả năng xảy ra hiện tượng sương mù bức xạ.

V. TÍNH CHẤT SƯƠNG MÙ Ở LÂM ĐỒNG

Lâm Đồng chủ yếu có loại sương mù bức xạ, đặc biệt tại Đà Lạt, sương mù thường xảy ra là loại sương mù bức xạ do sự hóa lạnh ban đêm của mặt đất. Hiệu ứng của sự thăng động không khí ẩm ướt trên triển núi đưa ra gió cũng đóng góp vào sự hình thành sương mù. Nhưng khi ánh nắng mặt trời hâm nóng mặt đất lên thì sương mù tan biến nhanh chóng, trừ một số thung lũng ẩm ướt và lạnh thì sương mù ở đây có thể tồn tại lâu hơn chút ít.

Vào mùa khô, không khí bền vững thường bị bụi lơ lửng mở đục, nhất là do sự thiêu đốt cỏ cây để làm rẫy, khói bụi không phân tán được lên cao, có thể tồn tại và tích lũy nhiều tuần lễ trong lớp không khí gần mặt đất tạo thành một loại mù mỏng mà chúng ta lầm tưởng là sương mù.

Ở Lâm Đồng, sương mù xảy ra tương đối ít xảy ra. Mùa mưa thường có loại sương mù này hơn mùa nắng, nhất là tháng IX và tháng X (trung bình có khoảng 4-5 ngày có sương mù dày). Nguyên nhân chủ yếu là 2 tháng này có mưa nhiều - độ ẩm không khí cao, gió yếu, đêm dài và năng lượng của mặt trời và mặt đất hấp thụ được ít do đó nên nhiệt độ hạ thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển sương mù nhất là vùng Liên Khương.

Quan sát số ngày có sương mù của 3 trạm khí tượng (Đà Lạt, Liên Khương, Bảo Lộc), ta thấy:

- Trung bình một năm có khoảng từ 36-104 ngày có sương mù xuất hiện, cá biệt có nơi có số ngày nhiều hơn.
- Tần suất xuất hiện sương mù nhiều nhất là vào các tháng III-IV và IX-X hàng năm.

Tóm lại, sương mù là một hiện tượng thời tiết cỡ vừa và nhỏ, tuy không mang lại những thiệt hại lớn trong trồng trọt và chăn nuôi nhưng cũng phần nào gây khó khăn nhất là trong giao thông. Đặc biệt nếu sương mù tồn tại lâu ngày cũng sẽ gây thiệt hại cho sức khỏe của con người và thảo mộc. Do vậy, việc nghiên cứu và dự đoán những thời điểm có tần suất xuất hiện sương mù cao, chúng ta cần chú ý quan tâm hơn để có thể tránh được những thiệt hại do sương mù gây ra.

Một số giải pháp về kỹ thuật tình thế ...

(Tiếp theo trang 15)

* 150N + 70 P2O5 + 120 K2O (đối với đất xám trên gnoi).

- Phân chuồng: 15 tấn/ha, 3 năm bón một lần. Năm đầu tiên bón phân chuồng có thể giảm 1/3 lượng phân hóa học.

Cần tận dụng nguồn tàn dư thực vật trên lô cà phê (lá, cành khô sau tạo hình, cắt cành) để bón cho cà phê. Trong quá trình canh tác nếu có hiện tượng cây cà phê sai quả, cần bổ sung dinh dưỡng cho cây bằng các loại phân bón lá chuyên dùng với hình thức phun qua lá.

5. Không áp dụng chế độ phun thuốc sâu, bệnh định kỳ cho cà phê. Chỉ áp dụng hình thức phun cục bộ để bao vây tiêu diệt nguồn sâu bệnh nhằm tiết kiệm chi phí cho công tác phòng trừ sâu bệnh.

6. Chuyển đổi một số diện tích cà phê trồng trên các loại đất không đủ tiêu chuẩn (đất có độ dốc cao, thiếu nước...) sang trồng cây khác như: Cao su, bông vải....

7. Đa dạng hóa cây trồng trên một đơn vị diện tích bằng cách tủa thưa cây cà phê và trồng xen trong lô cà phê các loại cây có giá trị kinh tế như: các loại cây ăn quả... để tăng thu nhập trên đơn vị diện tích và hạn chế rủi ro trong sản xuất nông nghiệp mang tính độc canh. Tận dụng hệ cây che bóng trong lô cà phê để làm choái sống cho tiêu là một giải pháp tốt nhất cho trước mắt cũng như lâu dài.

Trên đây chỉ là một số giải pháp mang tính chất cấp thời để giữ những vườn cà phê có giá trị kinh tế cao. Về lâu dài Nhà nước cần có biện pháp, chính sách khắc phục ngay các tồn tại trên song song với các giải pháp về vốn, về chế biến, bảo quản...

Giải pháp từ khâu chế biến vì chất lượng cà phê phụ thuộc chủ yếu vào khâu chọn giống, trồng trọt, thu hái nhưng giữ được chất lượng tự nhiên của nó hay không là ở khâu chế biến. Bởi vậy cần phải chú ý đến khâu này.

Giải pháp từ khâu bảo quản

Cần hình thành hệ thống kho tiêu chuẩn từ các đại lý, đến cơ sở kinh doanh, chế biến, nhất là các doanh nghiệp nhà nước.

Giải pháp từ khâu đầu tư vốn tín dụng ngân hàng

Các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn không nên cho vay vốn đầu tư trồng mới cà phê. Hướng cho vay hiện nay cũng như trong thời gian tới cần tập trung vào các khâu sau:

- Đầu tư vốn cho thâm canh, nhất là nâng cao trình độ thâm canh đồng đều.
- Đầu tư vốn cho xây dựng hệ thống phân phối, hệ thống sấy.
- Đầu tư cho khâu sơ chế, chế biến.
- Đầu tư xây dựng hệ thống kho tàng tiêu chuẩn về mặt lâu dài, hướng vào xây dựng một số cơ sở chế biến cà phê quy mô vừa phải, nhưng có công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tin qua mạng Vista

CÔNG NGHỆ SINH HỌC

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI CON NGƯỜI & MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THỤY HOÀNG

Sở khoa học, công nghệ & môi trường

Những năm gần đây nhiều cơ quan, tổ chức và nhân dân ở các nước trên thế giới đã quan tâm và có nhiều tranh luận xung quanh vấn đề phát triển công nghệ sinh học (CNSH). Đối với lĩnh vực y tế và nông nghiệp những thành tựu do CNSH đã giúp cải thiện cuộc sống con người góp phần đắc lực vào việc nâng cao năng suất, chất lượng giống cây trồng và vật nuôi. Tuy nhiên song song với những ưu điểm này còn là những vấn đề liên quan đến đạo đức, an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái... điều này đã làm cho những người có trách nhiệm phải dè dặt và có những biện pháp quan tâm tích cực hơn trước sự phát triển nhanh của CNSH hiện đang được mở rộng trên phạm vi toàn cầu.

NHỮNG KẾT QUẢ THÀNH TỰU CỦA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Philip A. Sharp là một trong những người mở ra cuộc cách mạng CNSH, năm 1977 cộng tác với Genentech ông nghiên cứu AND tái tạo để chế ra được phẩm; kết quả nghiên cứu đã mở ra ngành CNSH. Năm 1993 ông được giải Nobel nhờ công trình nghiên cứu cho thấy gen gồm các AND bện với nhau trong quá trình sản sinh tế bào. Theo ông, CNSH bắt đầu với Genentech và sự phát triển của ngành này được mở rộng nhằm phục vụ cho việc điều trị, tìm kiếm các loại thuốc mới.

Tiếp tục những năm sau, ở các nước tiên tiến CNSH đã được phát triển mạnh, nhất là đối với khu vực tư nhân. Những nghiên cứu, thử nghiệm đã mang lại nhiều thành tựu đáp ứng cho việc chẩn đoán, điều trị (phương pháp đưa gen vào tế bào để sản sinh hormon hoặc để điều chỉnh khuyết tật di truyền gây bệnh) đã mang lại nhiều tác động tích cực trên lĩnh vực y học. Nhiều sản phẩm mới ra đời từ việc thử nghiệm dùng các vi khuẩn chuyển gen như trong điều chế insulin, kích thích tố sinh trưởng, thuốc kháng sinh, protein dùng cho người (interferon,...), thuốc tăng cường trí nhớ. Trong năm 1998 thị trường sản phẩm trong lĩnh vực này đã lên đến 13 tỷ USD.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, CNSH được nghiên cứu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng và vật nuôi, giải quyết thiết thực cho nạn đói nghèo,

thiếu dinh dưỡng ở các nước nghèo, đang phát triển. Công tác nghiên cứu và phát triển CNSH của khu vực tư nhân trên lĩnh vực này chiếm 80%. Việc nghiên cứu các bộ gen của cây trồng đã giúp việc chọn lựa giống, thay đổi các đặc tính do nhiều gen quyết định. Trong thời gian qua việc nghiên cứu CNSH được đẩy mạnh ở nhiều nước đang phát triển như Ấn Độ, Thái lan, Philippine, Trung quốc, Brasil, Mehico... và đã có nhiều kết quả bước đầu đáng ghi nhận.

Năm 1999 có khoảng 40 triệu ha được gieo trồng các giống chuyển gen của nhiều loài cây trồng. Giá trị thị trường của cây chuyển gen năm 1995 là 75 triệu USD, năm 1998 là 1,64 tỷ USD. Từ năm 1996 CNSH cũng đã thúc đẩy việc cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp tung ra thị trường tiêu thụ một khối lượng lớn sản phẩm với giá trị lên đến 15 tỷ USD. Theo báo Times và Newsweek (9/1999) trong vòng 10 năm nay các sản phẩm được chuyển gen lên đến 4.500 loài thực vật; trong đó một số lượng lớn là nguồn sản xuất từ các Công ty hoá học Monsanto (Mỹ) và Novartis (Thụy Sĩ).

Với những yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm đáp ứng cho nhu cầu của dân số toàn cầu ngày một tăng, việc đưa các ứng dụng CNSH trong sản xuất nông nghiệp đã mang lại nhiều thành quả, nhiều lợi nhuận trước mắt; thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu khoa học và các nhà sản xuất. Một số thành tựu đã đưa vào sản xuất được ghi nhận như sau:

- Củ cải đường chịu rét: nhờ ghép thêm vào cấu trúc di truyền AND gen chống lạnh của giống cá Bắc cực;

- Lúa sống chung với lũ: do Viện nghiên cứu lúa quốc tế IRRI thử nghiệm; sử dụng phương thức di truyền kết cấu, dùng gen của giống lúa hoang dại ở châu Phi để đưa vào cây lúa vùng ngập nước;

- Thực phẩm phòng bệnh và Cây giống mới với kỹ thuật chuyển nạp các gen lạ: thực hiện ở lúa, bắp, khoai tây, đậu tương, bông vải, chuối, cà chua, táo,... và một số vật nuôi. Người ta đã thực hiện việc cấy gen đặc thù có tác dụng chữa bệnh hoặc thay đổi một số tính chất liên quan đến tính kháng côn trùng, tăng hàm lượng chất (sắt, vitamin, lizin,...);

- Cây gỗ có ít lignin hơn: dùng kỹ thuật biến đổi gen để tạo ra khả năng phát triển nhanh, chống chịu gió bão;

- Cây tự sinh độc tố diệt sâu hại: để trừ một số sâu hại thường thấy ở cây cải dầu mà vẫn bảo đảm an toàn cho loài côn trùng thiên địch;

- Thay đổi màu hoa bằng cách ghép gen: thực hiện ở các loại hoa cẩm chướng để có thêm các màu mới như tím hoa cà, màu chàm xanh.

NHỮNG LO NGẠI VÀ PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CHUYỂN GEN

* Những lo ngại đối với sản phẩm chuyển gen

Từ những kết quả do sự phát triển CNSH mang lại như đã nêu ở phần trên, cơ thể có chứa tế bào biến đổi di truyền (CTBĐDT) là các vật sống (vi sinh vật, thực vật, động vật) bị thay đổi các yếu tố di truyền để có thêm các đặc tính mới. Hoạt động phát triển theo hướng này hiện nay đang là một trong những đề tài được sự quan tâm của nhiều người, nhiều quốc gia trên thế giới.

Thực tế tại sao người ta lại lo ngại trước sự phát triển của các sản phẩm có CTBĐDT do công nghệ sinh học mang lại? Trước đây trong nông nghiệp để cải tiến năng suất và chất lượng, người ta đã nghiên cứu, thử nghiệm chọn những cây giống tốt nhất cùng loài để lai tạo với nhau cho ra các thế hệ có triển vọng hơn. Nhưng từ khi có công nghệ di truyền việc nghiên cứu thử nghiệm lai tạo các giống đã xóa bỏ hàng rào giới hạn phạm vi của loài. Các nhà khoa học đã nghiên cứu ra các enzym có thể có thể cắt chuỗi ADN thành từng đoạn để đưa vào ghép cho một cơ thể sống khác (đầu tiên được thử nghiệm ở cây thuốc lá). Từ năm 1994, những cây trồng chuyển gen bắt đầu được bán ra thị trường. Và rồi với các thử nghiệm người ta có thể tìm chọn những yếu tố di truyền có lợi (đối với yêu cầu đặt ra) ở bất cứ cơ thể sống nào (virus, thực vật, động vật) để đưa vào một cơ thể sống khác. Khởi đầu từ việc cải tạo các giống thực vật nhằm nâng cao chất lượng năng suất, đến nay con người đã can thiệp trực tiếp vào quá trình tiến hoá - tham gia vào sự trao đổi gen của một loài. Đây là một sự hình thành loài không theo quá trình tiến hoá tự nhiên lại chưa lường trước được tất cả những hậu quả do quá trình nhân tạo này mang lại. Mặc dù được nghiên cứu và thực hiện bằng những kỹ thuật cao cấp phức tạp để đạt yêu cầu đề ra nhưng công nghệ di truyền hiện nay vẫn còn mang tính ngẫu nhiên, không thể biết chính xác vị trí gen được chuyển vào, kết quả theo yêu cầu đã đạt được chỉ là bước đầu còn những hiệu ứng không lường trước được do chúng mang lại sau này như thế nào chưa được xác định rõ. Hậu quả không an toàn về mặt sinh thái, kinh tế, xã hội, đạo đức của các cơ thể biến đổi di truyền về mặt lâu dài thực tế đã chưa

được quan tâm nghiên cứu. Điều đáng lo ngại đối với vấn đề này là hiện nay bên cạnh những nhà khoa học trực tiếp nghiên cứu, những người tham gia đầu tư chủ yếu trong phát triển CNSH thực chất là chủ nhân của những công ty tư nhân đa quốc gia mục đích nhằm vào lợi nhuận trong kinh doanh giống cây trồng... Hiện nay có trên 15 công ty tầm cỡ thuộc loại này, trong đó 10 công ty thuộc Bắc Mỹ (thị phần chiếm 80% thị trường).

Về mặt môi trường, việc đưa các giống chuyển gen ở ngô, lúa, cải dầu, đậu tương ... có khả năng dẫn đến việc làm mất tính đa dạng sinh học của chúng. Các cây biến đổi di truyền này có thể truyền các đặc tính được biến đổi cho các cây trồng hay cỏ dại, gây ra các quần thể côn trùng chịu chất diệt sâu, gây nguy cơ đối với đa dạng sinh học. Chẳng hạn một số cây mới sẽ trở thành cỏ dại trong đồng ruộng, các gen từ virus sẽ diệt cây trồng, gen chống kháng sinh dùng như gen đánh dấu sẽ chuyển sang các vi sinh vật gây bệnh cho người, gen chống sâu từ vi sinh vật sẽ tạo ra một loại siêu sâu rất khó diệt trừ, việc dùng các cây chống thuốc trừ cỏ sẽ dẫn đến việc dùng nhiều thuốc trừ cỏ hủy diệt nhiều vật sống khác. Vấn đề ảnh hưởng của CTBĐDT đến đa dạng sinh học cần được quan tâm lưu ý vì nguy cơ khi xảy ra khó lường trước được. Mặc dù chỉ phát triển mạnh 5 năm trở lại đây nhưng việc chuyển gen đã bắt đầu có biểu hiện cần được xem xét kỹ lại như việc cỏ dại chịu thuốc trừ cỏ dùng cho cải dầu chuyển gen ở Canada, côn trùng chống chất độc của các cây chống sâu, việc tăng dị ứng do ăn sản phẩm có chuyển gen (các loại thức ăn gia súc - đầu ra chủ yếu của các cây chuyển gen; các protein có gốc virus, vi khuẩn, ... thực vật, động vật mà công nghệ sinh học đưa vào thức ăn). Các hiệu ứng xảy ra thường chỉ được nghiên cứu khi phát hiện rõ rệt. Việc nghiên cứu tường tận về hậu quả đi ngược với mục đích kinh doanh thương mại của các công ty đã bỏ vốn đầu tư, do đó các sản phẩm mới không thể đều được mang ra thử nghiệm cẩn thận. Ngoài ra trong thực tế muốn nghiên cứu xác định tính rủi ro, thời gian thực hiện sẽ kéo dài lâu hơn vòng mua bán các loại giống phục vụ cho trồng trọt, nông nghiệp.

Hiện nay, qua nghiên cứu thử nghiệm đối với các sản phẩm có biến đổi di truyền một số các nhà khoa học cho rằng có thể gây dị ứng, có độc tính, gây ung thư cho người; kết quả cho thấy hơn 90% thức ăn loại này có chứa các chất gây dị ứng ảnh hưởng đến người lớn (2%) và trẻ con (4-6%). Điều này khiến cho công chúng tại nhiều nước yêu cầu phải có sự đánh giá nghiêm túc đối các sản phẩm có thể gây hại cho người và thông báo cho người tiêu dùng được biết. Tháng 1/2000 tại Montreal một quy định quốc tế đầu tiên về CTBĐDT được ra đời "Biên bản Carthagène về an toàn sinh học". Tại đây cộng đồng quốc tế gồm 130 nước đã công nhận CTBĐDT có mang các nguy cơ đặc

biệt đối với đa dạng sinh học và sức khoẻ con người. Vấn đề tổ chức quản lý những nguy cơ này cần được quy định và kiểm soát để đề phòng các hậu quả tiêu cực tiềm ẩn.

Hiện nay ở các nước nghèo hoặc đang phát triển, với mục tiêu xoá bỏ đói nghèo, giảm bớt các rủi ro cho nông dân, nâng cao dinh dưỡng cho người tiêu dùng, việc mở rộng đưa vào sản xuất nông nghiệp các CTBĐDT là biện pháp tích cực, được ưa chuộng vì lợi ích trước mắt. Tuy nhiên một nhóm tư vấn nghiên cứu về nông nghiệp trên thế giới đã đòi hỏi các hoạt động này cần phải gắn với một số nguyên tắc về đạo đức “tăng cường an toàn thực phẩm và giảm nghèo là trọng tâm của nhiệm vụ khoa học nhân đạo này”. Tại nhiều nước, công chúng đòi hỏi những người tham gia nghiên cứu vấn đề này phải có tiêu chuẩn đạo đức, cẩn trọng, công khai và có trách nhiệm. Cả hai khu vực nhà nước và tư nhân phải góp sức nhau cùng hợp tác để đáp ứng các nhu cầu của xã hội đồng thời tránh bớt những rủi ro có thể xảy ra sau này. Đứng trước những phản ứng như đã nêu trên, việc phát triển CTBĐDT hiện nay không thể chỉ phụ thuộc vào các quy định quốc tế, quốc gia, mà trên thực tế điều này còn phụ thuộc vào các quy luật của thị trường và nhu cầu bức thiết của cuộc sống ở một số nơi..

* Phản ứng của các nước trên thế giới đối với sản phẩm có CTBĐDT.

Hiện nay nhiều nước trên thế giới đã có phản ứng quyết liệt đối với vấn đề này và đòi hỏi chính phủ của họ phải có biện pháp tích cực nhằm giải quyết vấn đề được đưa ra.

- *Thái Lan*: tuyên bố cấm nhập tất cả thức ăn có CTBĐDT (trừ thức ăn gia súc) và đang cố gắng xây dựng các vùng cây trồng không có CTBĐDT.

- *Ấn Độ*: các nghiệp đoàn nông dân có nhiều tranh luận mạnh mẽ về CTBĐDT, phản đối việc sử dụng các giống chuyển gen (mang sang từ châu Âu) đang có khuynh hướng thay đổi dần các nguồn giống của địa phương.

- *Philippin*: đã thông qua luật về an toàn sinh học và đang có những tranh luận phản đối việc thử nghiệm các giống lúa chuyển gen (chống côn trùng) của Viện nghiên cứu lúa IRRI.

- *Trung Quốc*: dân chúng ít quan tâm đến vấn đề này. Nhiều giống cây trồng, vật nuôi chuyển gen như thuốc lá, bông, cà chua, lúa, đậu tương, cải bắp... đang được nghiên cứu và phát triển mạnh. Mặc dù vậy vừa qua Ủy ban về an toàn sinh học cũng đã được thành lập thể hiện mối quan tâm đến sự an toàn của con người, môi trường trong tác động của việc phát triển CNSH.

- *Các nước Đông Âu*: việc nhập các giống, các sản phẩm có chuyển gen từ Mỹ, châu Âu khá phổ biến. Tuy nhiên hiện nay chính phủ của nhiều nước cũng đang chuẩn bị các luật về các CTBĐDT (liên quan đến việc cấm nhập CTBĐDT, việc dán nhãn hiệu lên hàng hoá để người tiêu thụ biết rõ...).

- *Nhật bản*: là một trong những nước nhập nhiều sản phẩm chuyển gen nhất, đây là thị trường lý tưởng của nông dân Mỹ về CTBĐDT. Tuy nhiên cuối năm 1999 do sự phản đối của công chúng, đã có quy định bắt buộc dán nhãn lên các sản phẩm có chứa trên 5% CTBĐDT. Các công ty chế biến thức ăn đã hạn chế thu mua các nguyên liệu có CTBĐDT để đảm bảo sản xuất các sản phẩm không có CTBĐDT.

- *Liên minh châu Âu*: không cho nhập khẩu các sản phẩm có CTBĐDT nếu chưa được kiểm nghiệm, đòi hỏi thực phẩm có yếu tố gen chuyển đổi phải dán nhãn.

- *Mỹ*: phản ứng đối với việc nghiên cứu và phát triển CNSH, đặc biệt là CTBĐDT và các sản phẩm có chứa CTBĐDT đang ngày càng tăng mặc dù Mỹ trong năm 1999 đã gieo 28,7 triệu ha các giống có CTBĐDT (ngô, đậu tương, bông vải) chiếm 72% diện tích gieo các giống này của thế giới. Việc giá lúa, giá đậu tương ở Mỹ đã tụt xuống mức thấp nhất so với trước đây làm cho các nông dân bắt đầu hoang mang trong việc chọn giống cây trồng và tự hỏi mục tiêu đưa ra các CTBĐDT có thực sự mang lại lợi ích cho cộng đồng hay không?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bản tin phát triển nông thôn, số 9,11,12/2000
- Tập san thông tin KHKT nông lâm nghiệp, số 2/2000
- KH-CN & MT TP HCM số 9/2000



TÌM HIỂU DỰ ÁN:

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHIỆP PHẦN MỀM

Nhận thức sâu sắc vai trò của công nghệ thông tin (CNTT) trong hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá nhằm góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước đã có những nghị quyết, chỉ thị, quyết định hết sức quan trọng về phát triển CNTT (NQ 49/CP, NQ 07/2000/NQ-CP, CT58/CT-TW, QĐ 128/2000/QĐ-TTg). Đó là những cơ sở mang tính chỉ đạo đồng thời cũng là căn cứ pháp lý để các ngành, các cấp tập trung nỗ lực cho sự phát triển CNTT, nhất là đối với những địa phương có điều kiện phát triển tin học, có nhiều cơ sở đào tạo nhân lực CNTT và có những ứng dụng mạnh CNTT trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế-xã hội.

Là một tỉnh miền núi nhưng về kinh tế Lâm Đồng có mối gắn kết với khu vực miền Đông Nam bộ, khu kinh tế năng động của đất nước; trong thời gian qua Lâm Đồng đã có những bước phát triển CNTT khá tốt, đang bộc lộ nhiều khả năng phát triển mạnh về CNTT và công nghệ phần mềm. Giai đoạn 1996-2000 là giai đoạn phát triển mạnh CNTT trong khu vực quản lý nhà nước; đã có 39 đơn vị được tổ chức kết nối thông mạng từ cấp tỉnh đến các sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố (cả hệ Đảng và Chính quyền). Nhiều phần mềm đã được ứng dụng: kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm quản lý nhân sự và các phần mềm nghiệp vụ khác phục vụ trong công tác chuyên môn của các ngành. Ở những hệ thống mạng của các ngành trọng yếu như Ngân hàng, Bưu điện, Điện lực, Thuế, Kho bạc, Thống kê,... đã liên thông với trung ương và xuống các huyện thị, cơ sở trực thuộc. Mạng Intranet Lâm Đồng (Lâm Đồng Net) đã được thử nghiệm đưa vào hoạt động từ cuối năm 2000, là mạng thông tin phục vụ tất cả các đối tượng trong Tỉnh có nhu cầu tìm hiểu trao đổi thông tin về các lĩnh vực chính trị, văn hoá, khoa học-xã hội. Toàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay ước khoảng 10.000 máy tính, trong đó

có trên 500 thuê bao internet và 3.700 máy đã kết nối internet trong nước. Về mặt nhân lực tin học, trong giai đoạn 2000 Trường Đại học Đà Lạt đào tạo từ 800-1.000 cử nhân toán tin, lý tin; nhiều Trung tâm tin học trong thời gian qua đã đào tạo gần 5.000 học viên đáp ứng nhu cầu trong tỉnh theo hình thức cấp chứng chỉ A, B. Ngoài ra nhiều tổ chức hoạt động tin học đã được hình thành và phát triển trong đó có Hội tin học Lâm Đồng, Công ty ứng dụng kỹ thuật Đà Lạt, Nhóm NC Bảo Lộc, và nhiều Trung tâm tin học ở các sở, ngành. Những phát triển và kết quả đạt được trong thời gian qua là điều kiện ban đầu giúp Lâm Đồng có thể tự tin và tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển CNTT, công nghệ phần mềm tại Lâm Đồng trong giai đoạn kế tiếp. Tỉnh ủy và UBND Tỉnh đã có chủ trương phát triển mạnh lĩnh vực CNTT tại Lâm Đồng theo hướng: có chính sách, cơ chế thông thoáng tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các cơ quan nhà nước và mọi thành phần kinh tế đầu tư cho ứng dụng CNTT vào các hoạt động quản lý kinh tế - văn hoá-xã hội, phát triển công nghiệp phần mềm và tham gia đào tạo nguồn nhân lực. Việc tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng sẽ được đầu tư một cách hợp lý: ngoài phần chính thức đầu tư trong các dự án CNTT của Tỉnh liên quan đến việc nâng cấp, củng cố các mạng diện rộng đã được xây dựng (CPNet và Lâm Đồng Net) cùng những hoạt động hỗ trợ cho phát triển CNTT theo định hướng đã đề ra trong giai đoạn mới, Chính quyền cùng các ngành có liên quan sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị chủ động có kế hoạch hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin quản lý nhà nước tại đơn vị; từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ xã hội theo hướng khuyến khích nhân dân sử dụng các dịch vụ trên mạng intranet, internet.

Để tiếp tục tổ chức triển khai các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực này, UBND Tỉnh đã giao cho Sở KH-CN & MT Lâm Đồng chủ trì, phối hợp với

các sở, ngành có liên quan xây dựng Dự án phát triển CNTT và công nghiệp phần mềm Lâm Đồng giai đoạn 2001-2005.

Tháng 4/2001 vừa qua, Hội đồng KH-CN của Tỉnh đã xét duyệt và thông qua đề cương chi tiết của các dự án nêu trên. Dự án tổng thể phát triển CNTT và công nghiệp phần mềm tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2001-2005 được xây dựng với sự tham gia phối hợp của 4 đơn vị: Sở KH-CN & MT, Trường Đại học Đà Lạt, Bưu điện Tỉnh và Công ty ứng dụng kỹ thuật Đà Lạt. Những nội dung chủ yếu trong dự án bao gồm:

- Kế hoạch phát triển CNTT (2001-2005) và quy hoạch phát triển khu công nghiệp phần mềm Đà Lạt (Sở KH-CN & MT phối hợp cùng Sở Kế hoạch-Đầu tư và một số các cơ quan, ban, ngành khác trong Tỉnh).
- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn Đà Lạt-Lâm Đồng đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT và phát triển Công nghiệp phần mềm (Bưu điện tỉnh Lâm Đồng phối hợp cùng Sở KH-CN & MT và một số Cơ quan trung ương, Công ty CNTT tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh).
- Nghiên cứu thị trường, khả năng đầu tư và xây dựng mô hình doanh nghiệp sản xuất phần mềm tại Đà Lạt-Lâm Đồng (Công ty ứng dụng kỹ thuật Đà Lạt phối hợp với Sở KH-CN & MT, Hội tin học Lâm Đồng, Khu công nghiệp phần mềm Quang Trung).
- Quy hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp phần mềm (Trường Đại học Đà Lạt phối hợp với Sở Lao động, thương binh và xã hội, Sở Giáo dục - Đào tạo, Trường Kỹ thuật Đà Lạt,...).

Kết quả của dự án sau khi đã được nghiệm thu chính thức sẽ là căn cứ để lập các dự án khả thi, triển khai các hoạt động phát triển CNTT trong những năm tiếp theo. Trên quan điểm phát triển CNTT của giai đoạn 2001-2005, Lâm Đồng đã và đang quan tâm đến việc phát triển CNTT trong khu vực Nhà nước để làm trụ cột tiếp tục mở rộng đến các thành phần khác. Vấn đề hợp tác với các tỉnh khác đặc biệt là TP. Hồ Chí Minh, khu công nghiệp phần mềm Quang Trung và các doanh nghiệp phần mềm nước ngoài đã đầu tư tại TP. Hồ Chí Minh sẽ là cơ hội giúp Lâm Đồng có thể

mở rộng hướng đầu tư đối với các sản phẩm phần mềm nội địa và xuất khẩu. Việc tập trung vào khâu đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực CNTT một khi đã được quy hoạch đúng đắn có thể cung cấp nhân lực CNTT không chỉ cho địa phương Lâm Đồng mà còn có thể mở rộng đáp ứng cho các khu công nghiệp phần mềm của khu vực. Dự kiến đến năm 2005 về nhân lực sẽ cố gắng đào tạo 300 lập trình viên, kỹ thuật viên phần mềm; phấn đấu phát triển mạnh công nghệ phần mềm để có thể đạt doanh thu khoảng 10 triệu USD; về ứng dụng tin học trong khối cơ quan nhà nước phải hoàn thành cơ bản tin học hoá 50 % khối lượng công việc.

Bằng những quyết tâm cao của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Lâm Đồng với sự lựa chọn đúng đắn trong phương thức đầu tư, kêu gọi đầu tư hợp lý, mạnh dạn, sáng tạo, biết khai thác tối đa ưu thế đặc biệt và phát huy sức mạnh tổng hợp, chúng ta tin rằng Dự án phát triển CNTT và công nghiệp phần mềm tỉnh Lâm Đồng sẽ là những bước đột phá của sự tăng trưởng kinh tế - xã hội tỉnh nhà trong chặng đường 5 năm tới - Điều mà ngay thời điểm này, không phải nhiều người đã nhìn thấy.

PHÒNG TT-SHCN

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Báo cáo kết quả triển khai mạng diện rộng của CP trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (tháng 8/2000 của UBND tỉnh Lâm Đồng);
- Thông báo số 140/TB-UB ngày 29/12/2000 của UBND Tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển CNTT & công nghiệp phần mềm giai đoạn 2001-2005 tại tỉnh Lâm Đồng;
- Đề cương Dự án phát triển CNTT & công nghiệp phần mềm giai đoạn 2001-2005 tại tỉnh Lâm Đồng.



ĐỂ MÁY VẪN HOẠT ĐỘNG SAU KHI SHUTDOWN

Bạn đã đóng máy bằng lệnh Shutdown, màn hình cuối cùng hiện ra dòng chữ *It is now safe to turn off your computer*. Bây giờ bạn mới nhớ là mình quên chép file vừa mới tạo vào đĩa mềm để gửi cho một người bạn. Phải làm sao đây, chẳng lẽ một công việc cón con như thế lại đòi hỏi phải khởi động máy trở lại? Thật ra bạn không cần phải khởi động máy mà vẫn có thể vào lại DOS (và từ đó cũng có thể vào tiếp Windows).

Để làm được điều này, trước tiên bạn điều chỉnh lại dòng lệnh Bootgui=0 (thay vì Bootgui=1) của tập tin MSDOS.SYS. để điều chỉnh tập tin này, bạn cần gỡ bỏ thuộc tính chỉ đọc của nó trước bằng cách:

- Chạy Windows Explore, di chuyển con trỏ tìm đến tập tin MSDOS.SYS, tại đây bạn kích chuột phải, kích chọn properties rồi đánh dấu bỏ chế độ read-only (hoặc có thể dùng lệnh `Attrib-R C:\MSDOS.SYS` của DOS để thực hiện).

- Kế tiếp dùng trình soạn thảo Notepad để mở tập tin MSDOS.SYS, điều chỉnh lại dòng lệnh Bootgui=0 rồi lưu lại chúng.

- Sau khi bạn điều chỉnh dòng lệnh này, lúc khởi động hệ thống sẽ dừng lại tại dấu nhắc chờ lệnh (tức ở chế độ DOS) mà không vào Windows như trước. Nếu bạn muốn máy khởi động trực tiếp vào Windows thì chỉ cần bổ sung thêm dòng lệnh WIN vào tập tin Autoexec.bat.

Như vậy, công việc điều chỉnh xem như đã hoàn tất. Khi màn hình hiển thị thông báo *It is now safe to turn off your computer*, nếu bạn muốn trở lại DOS để làm việc chỉ cần gõ mode co80, lập tức nó sẽ trở về DOS để bạn làm việc. Nếu muốn trở lại Windows chỉ cần gõ WIN.

Phùng Thanh Tâm

Khoa học phổ thông 11.2001

ĐỂ ĐỒ MỎI MẮT KHI LÀM VIỆC NHIỀU VỚI MÁY VI TÍNH

Ngày nay, có nhiều người mà công việc buộc phải ngồi trước màn hình máy vi tính, chẳng những suốt 8 giờ ở văn phòng mà còn thêm vài giờ nữa tại nhà mỗi ngày. Hậu quả là mắt rất mỏi, thị lực ngày càng giảm sút. để hạn chế ảnh hưởng này, bạn nên thực hiện các bước sau đây:

- Xem lại ánh sáng trong phòng có vừa đủ không, sau đó điều chỉnh độ sáng màn hình đến mức thấp nhất có thể thấy được. Những người có kinh nghiệm thường

điều chỉnh ở màn hình DOS: làm sao cho nền màn hình DOS có màu đen hoàn toàn là được. Việc điều chỉnh này đặc biệt quan trọng khi bạn phải làm soạn thảo nhiều trên nền trắng (chẳng hạn trong Word).

- Nếu có nguồn sáng nào tạo thành vùng chói trên màn hình thì hãy dời hay che nguồn sáng đó nếu được, còn không thì phải xoay màn hình đi hướng khác hoặc dùng màn hình loại không phản chiếu.

- Nên sử dụng kính lọc cho dù màn hình của bạn thuộc loại bức xạ thấp và cho dù tác dụng ngăn bức xạ của kính lọc cũng không có gì chắc chắn. Kính lọc làm cho màn hình dịu hơn, đỡ mệt mắt.

- Đặt tần số làm tươi hàng dọc: (vertical refresh rate) của màn hình ở mức tối thiểu là 72-76Hz (nhờ phần mềm kèm theo card màn hình).

- Không nên quá chăm chú nhìn lâu vào màn hình một cách không cần thiết.

- Tỉnh táo nên nhìn một vật bất động nào đó ở cách xa màn hình. Thường xuyên nháy mắt hay nhắm mắt lại để bôi trơn giác mạc. Mỗi giờ nên đứng dậy làm vài cử động trong vài phút, như thế chẳng những bảo vệ mắt mà còn bảo vệ lưng cũng như sự lưu thông máu của cơ thể.

Trịnh Vũ

Khoa học phổ thông 50.2000

TRUY CẬP INTERNET QUA TIVI

Chỉ cần một tivi, một đường điện thoại, một thiết bị WebTV và một Account Internet là khách hàng có thể truy cập Internet để tra cứu thông tin, gửi nhận email, tham gia các diễn đàn, thảo luận, trò chơi, dịch vụ giải trí trực tuyến trên Internet cũng như các dịch vụ giải trí riêng cho mạng Web. Thiết bị WebTV bao gồm một đầu thiết bị phần cứng (có hình dạng như một đầu video nhưng nhỏ hơn nhiều) và một bàn phím không dây. Công ty Phát triển phần mềm (VASC) cung cấp giải pháp cùng Nhà máy thiết bị bưu điện sản xuất thiết bị này. Account Internet cung cấp cho khách hàng khi khách hàng đăng ký truy cập.

Hiện nay, hầu hết các gia đình tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đều có tivi, số gia đình sử dụng dịch vụ điện thoại cũng tương đối lớn. Đây là điều kiện căn bản đầu tiên để truy cập Internet qua tivi, vì thế vấn đề này đang gây được sự chú ý của nhiều người, nhất là giới trẻ. Được biết, VASC phối hợp cùng một số đơn vị đang thí điểm truy cập Internet qua tivi tại Bắc Ninh, Bắc Giang, thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Vào trung tuần tháng 4.2001, VASC

dự kiến tiếp tục phát triển các kênh hỗ trợ riêng cho hệ thống Web trên mạng và dự định phổ cập rộng rãi truy cập Internet qua tivi. Giá một thiết bị WebTV khoảng trên 1 triệu đồng, giá đăng ký truy cập ban đầu khoảng 100.000 đồng, thuê bao hàng tháng khoảng 50.000 đồng. Với việc đầu tư thiết bị ban đầu rẻ hơn nhiều so với đầu tư một dàn máy vi tính, lại tiện dụng, truy cập Internet qua tivi thực sự phù hợp với mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Chắc chắn trong tương lai không xa dịch vụ này sẽ được phát triển mạnh mẽ.

Khoa học phổ thông

TÌM HIỂU KHOA HỌC

ĐỘNG ĐẤT

Tại sao có động đất?

Hãy tưởng tượng như chúng ta đang đứng trên những chiếc bè khổng lồ đang trôi chậm chạp. Chiếc bè tượng trưng cho những mảng địa chất rắn của Trái đất. Những mảng này trôi nổi bên trên một lớp yếu hơn, di chuyển rất chậm, chỉ vài centimet mỗi năm. Khi các mảng này va chạm vào nhau hoặc lướt qua nhau, áp lực tích tụ trong lớp vỏ cứng qua hàng trăm năm động đất xảy ra khi áp lực này cuối cùng vượt quá sức chịu đựng của lớp vỏ. Động đất đôi khi cũng xảy ra do những hoạt động của con người, ví dụ như tích nước vào các hồ chứa làm tăng sự căng thẳng trong vỏ Trái đất. Động đất cũng có thể xảy ra gần các núi lửa đang hoạt động.

Những vùng thường bị động đất

Những trận động đất xảy ra chung quanh Thái Bình Dương, tại các rìa của mảng địa chất Thái Bình, chiếm tới 80% năng lượng toàn bộ các trận động đất trên thế giới phóng thích ra. Mỗi năm, Nhật Bản chịu hơn 1000 vụ rung chuyển lớn hơn 3,5 độ. Vùng bờ biển phía Tây của cả Nam và Bắc Mỹ cũng là vùng có nhiều động đất với vài ngàn vụ nhỏ và trung bình mỗi năm.

Trận động đất tại bang Gujarat Ấn Độ vào ngày 26.1.2001 là hậu quả của sự va chạm của mảng địa chất Ấn - Úc với mảng Á - Âu. Chính sự va chạm này xảy ra khoảng 60 triệu năm trước đã tạo nên dãy núi Himalayas cao nhất thế giới và cho đến nay vẫn còn cao thêm 5 mm mỗi năm.

Ý nghĩa của độ Richter

Có khoảng hơn 1000 trạm đo động đất trên khắp thế giới. Đơn vị được dùng rộng rãi để đo độ lớn của một trận động đất là độ Richter, do Charles Richter đưa ra vào năm 1935. Thang độ Richter đo biên độ của các sóng địa chấn trên mặt đất. Thang độ này tính theo logarit nên mỗi đơn vị tăng lên biểu thị cho 10 lần tăng lên của biên độ.

Động đất có thể tiên đoán được không?

Hiện nay các nhà khoa học sử dụng nhiều căn cứ để tiên đoán động đất như sử dụng các số liệu đã ghi chép, đo chuyển động dọc theo các đứt gãy địa chất nhờ vệ tinh định vị toàn cầu, đo những sự thay đổi địa chất quanh các đứt gãy đó. Tuy nhiên, kết quả cũng không hoàn toàn chắc chắn.

Khoa học phổ thông 5.2001





GIẢI BA: TRƯƠNG THỊ NGỌC NGHĨA
LỚP 8A2 TRƯỜNG QUANG TRUNG ĐÀ LẠT



GIẢI NHÌ: TRẦN NGUYỄN BẢO PHƯƠNG
LỚP 8A5 TRƯỜNG QUANG TRUNG ĐÀ LẠT



GIẢI KHUYẾN KHÍCH: LÊ THỊ THẢO HIẾU
LỚP 8A1 TRƯỜNG QUANG TRUNG ĐÀ LẠT



GIẢI NHÌ: VŨ THỊ THU HIỀN
LỚP 8A1 TRƯỜNG HEDMANNI GEMEINER

GIẢI BA

**TÔN NỮ HOÀNG
TIỂU PHƯỢNG**

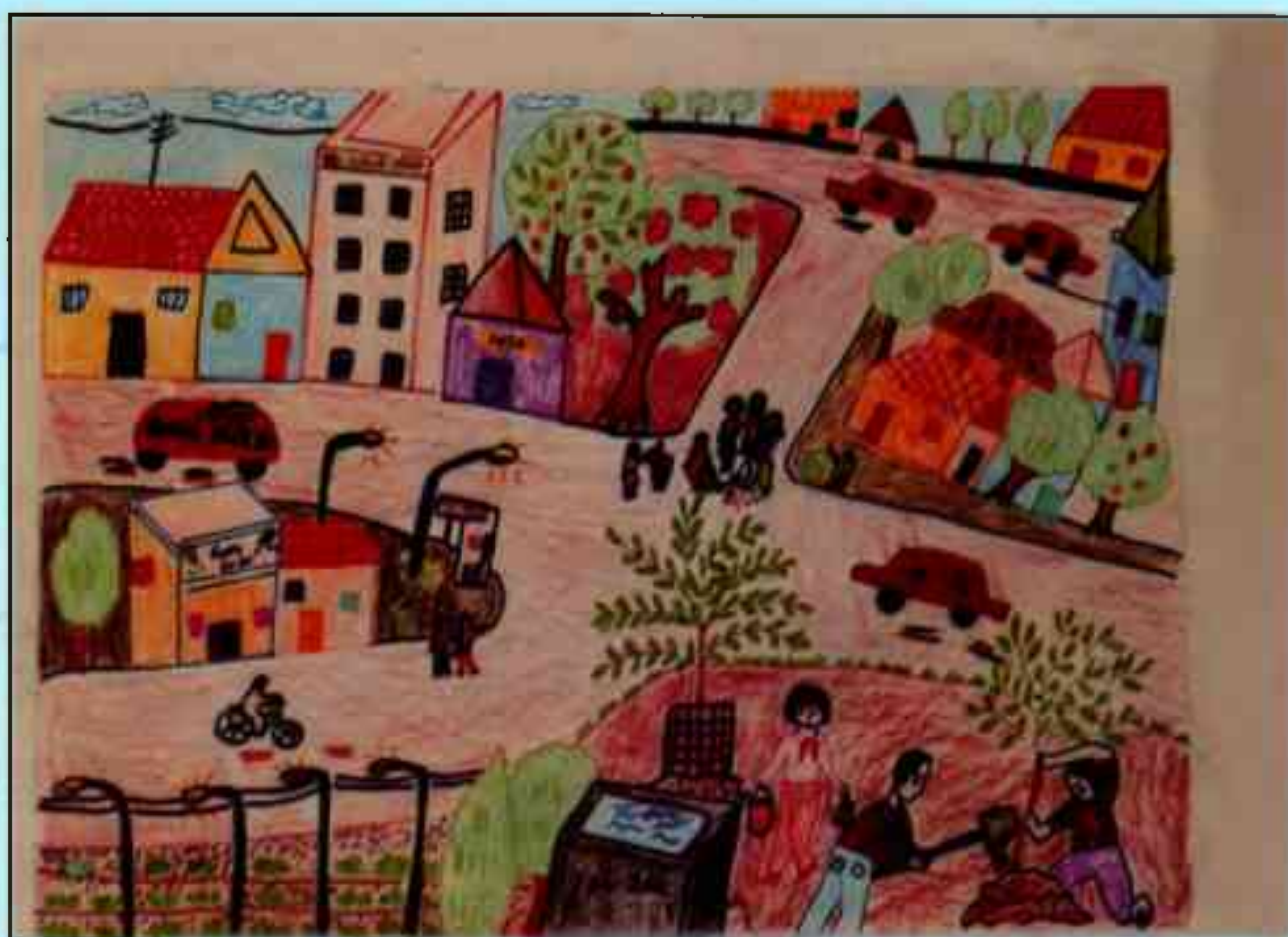
Lớp 5b trường
Lê Quý Đôn Đà Lạt



GIẢI BA

THU HIỀN

Lớp 5D Trường tiểu học
Trần Quốc Toản Đạ Houai



GIẢI KHUYẾN KHÍCH

BÙI NHƯ PHƯƠNG

Lớp 6A12 Trường
Bùi Thị Xuân Đà Lạt

